

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Kim Anh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN VÂN VŨ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Kim Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Kim Anh

Mã SV: 1312401057

Lớp: QT1702K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Vân Vũ

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vân Vũ

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm : 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Vân Vũ

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc, tự giác trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Thực hiện tốt yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối khoa học và hợp lý, chia làm 3 chương:

Chương I: Tác giả hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Vân Vũ, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán tương đối hợp lý và logic.

Chương III: Tác giả đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: 9,0.....

Bằng chữ: Chín điểm

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Ninh Thị Thùy Trang

MUC LUC

| | |
|---|----|
| Lời mở đầu | 10 |
| CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 2 |
| 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 2 |
| 1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. | 2 |
| 1.1.1.1. Doanh thu | 2 |
| 1.1.1.2. Chi phí | 4 |
| 1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh | 6 |
| 1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 7 |
| 1.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh | 7 |
| 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng | 7 |
| 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng | 7 |
| 1.2.1.3. Phương pháp hạch toán | 9 |
| 1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu | 12 |
| 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng | 12 |
| 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng | 12 |
| 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán | 15 |
| 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính..... | 16 |
| 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng | 16 |
| 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng | 17 |
| 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán | 17 |
| 1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác | 19 |
| 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng | 19 |
| 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng | 19 |
| 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán | 19 |
| 1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 21 |
| 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng | 21 |
| 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng | 21 |

| | |
|--|-----------|
| 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán | 21 |
| 1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 23 |
| 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung | 23 |
| 1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung | 23 |
| 1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung | 23 |
| 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái | 24 |
| 1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái | 24 |
| 1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái | 24 |
| 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 25 |
| 1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 25 |
| 1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 25 |
| 1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính | 26 |
| 1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính | 26 |
| 1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính | 26 |
| CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ | 28 |
| 2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ | 28 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển | 28 |
| 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh | 29 |
| 2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý | 29 |
| 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán | 31 |
| 2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán | 31 |
| 2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty | 33 |
| 2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán | 34 |
| 2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính | 34 |
| 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ | 35 |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty | 35 |
| 2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty | 35 |
| 2.2.1.2. Chứng từ sử dụng | 36 |
| 2.2.1.3. Tài khoản sử dụng | 36 |
| 2.2.1.4. Quy trình hạch toán | 36 |

| | |
|--|-----------|
| 2.2.1.5. Ví dụ minh họa..... | 37 |
| 2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng..... | 48 |
| 2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty | 48 |
| 2.2.2.2. Chứng từ sử dụng | 48 |
| 2.2.2.3. Tài khoản sử dụng | 48 |
| 2.2.2.4. Quy trình hạch toán | 48 |
| 2.2.2.5. Ví dụ minh họa..... | 49 |
| 2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính | 55 |
| 2.2.3.1. Chứng từ sử dụng | 55 |
| 2.2.3.2. Tài khoản sử dụng | 55 |
| 2.2.3.3. Quy trình hạch toán | 55 |
| 2.2.3.4. Ví dụ minh họa..... | 55 |
| 2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh | 59 |
| 2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty | 59 |
| 2.2.4.2. Chứng từ sử dụng | 59 |
| 2.2.4.3. Tài khoản sử dụng | 59 |
| 2.2.4.4. Quy trình hạch toán | 59 |
| 2.2.4.5. Ví dụ minh họa..... | 60 |
| 2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 66 |
| 2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh | 66 |
| 2.2.5.2. Chứng từ sử dụng | 66 |
| 2.2.5.3. Tài khoản sử dụng | 66 |
| 2.2.5.4. Quy trình hạch toán | 66 |
| CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC | |
| KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT | |
| ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ..... | 74 |
| 3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ | |
| VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ | |
| PHẦN VÂN VŨ..... | 74 |
| 3.1.1. Ưu điểm..... | 74 |
| 3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác | |
| định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty | 76 |
| 3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN | |
| DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI | |
| CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN..... | 77 |

| | |
|--|----|
| 3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán | 77 |
| 3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty..... | 80 |
| 3.2.3. Mở sổ nhật ký đặc biệt trong công tác kế toán bán hàng..... | 85 |
| 3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại..... | 87 |
| KẾT LUẬN | 93 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 95 |

Lời mở đầu

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang trong đà phát triển, từng bước hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Nước ta đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Với xu thế hội nhập như hiện nay, vừa là cơ hội để nước ta nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, vừa là thách thức mà chúng ta phải vượt qua. Chính vì vậy phát triển kinh tế bền vững là một trong những vấn đề rất quan trọng để đưa đất nước phát triển đi lên. Trong những năm vừa qua, nước ta đã đạt được những thành tựu nhất định trong nền kinh tế thị trường với các quy luật đặc trưng của nó quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. đã tạo nên môi trường kinh doanh hấp dẫn, sôi động nhưng cũng đầy rủi ro và không kém phần khốc liệt. Trong môi trường đó, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có một chính sách phát triển hợp lý, hiệu quả.

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán trở thành một công cụ quản lý hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý kinh tế của Nhà nước nói chung và của mỗi doanh nghiệp nói riêng. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, Công ty cổ phần Vân Vũ luôn chú trọng hoàn thiện công tác hạch toán kế toán để đạt hiệu quả tốt nhất.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Vân Vũ kết hợp với kiến thức đã được học, với sự giúp đỡ tận tình của cô Thạc sỹ- Ninh Thị Thuỳ Trang cùng các cô trong phòng Kế toán tài vụ của công ty, em đã hiểu được sâu hơn về thực tế công tác kế toán. Từ kiến thức đã được học và tìm hiểu thực tế em xin trình bày bài khóa luận : 'Hoàn thiện công kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Vân Vũ". Trong quá trình làm bài khóa luận này còn có nhiều thiếu sót, kính mong các thầy cô thông cảm và giúp em hoàn thành tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*****1.1.1.1. Doanh thu*****Khái niệm**

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

- Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không gồm lãi trả chậm, trả góp.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2. Chi phí

Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Theo thông tư 200 có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp giá bán lẻ* : Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách

lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \frac{\text{Doanh thu hoạt động tài chính}}{\text{tài chính}} - \text{Chi phí tài chính}$$

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh doanh} \end{matrix}$$

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi} \\ \text{toán trước thuế} & = & \text{động SXKD} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{nhuận} \\ & & & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế TNDN phải nộp}}$$

1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

- Dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

| Nợ | TK 632 | Có |
|--|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. | <ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tiểu khoản:
- + Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- + Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

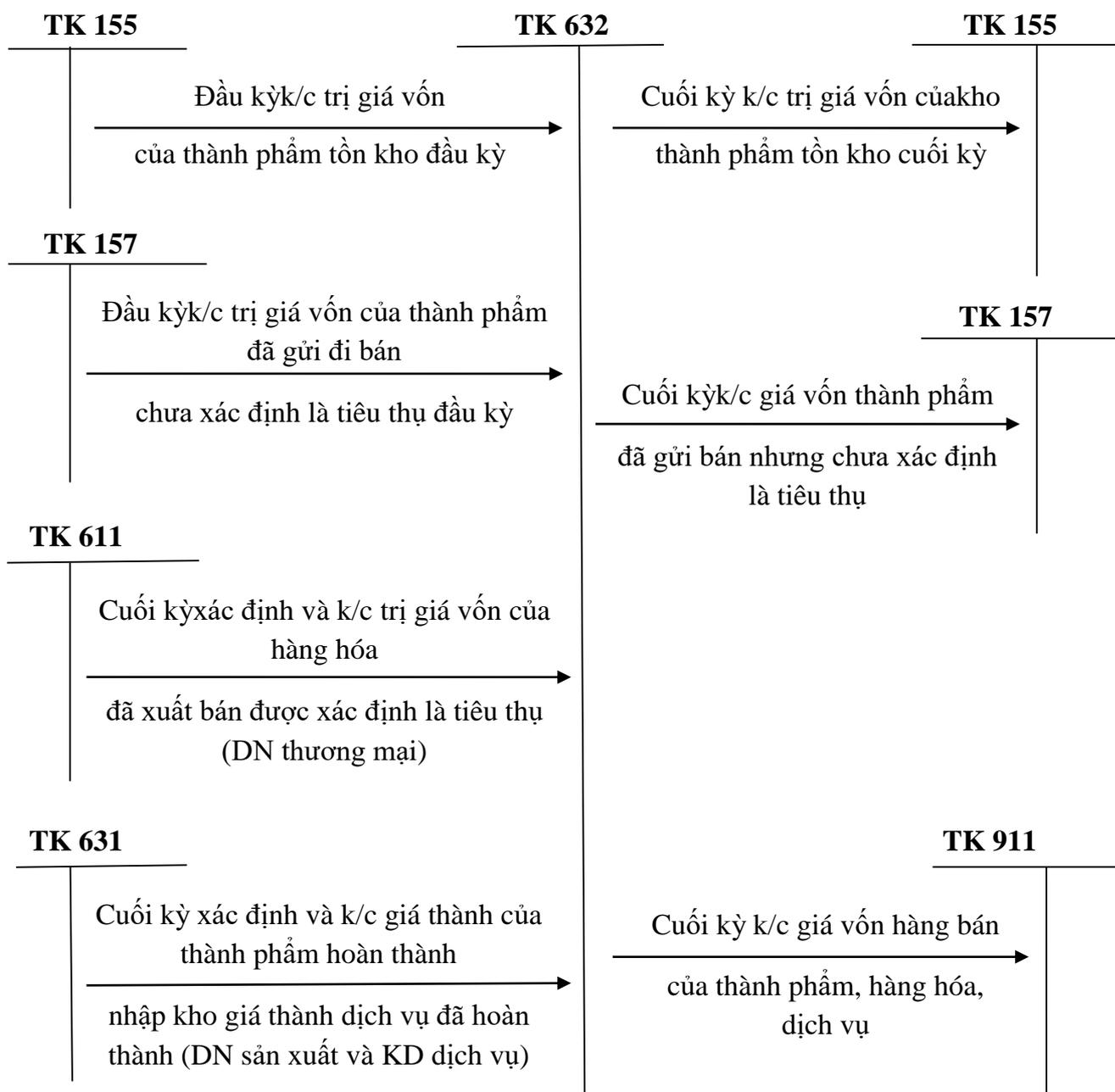
Kết cấu tài khoản 642

| Nợ | TK 642 | Có |
|--|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911. | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

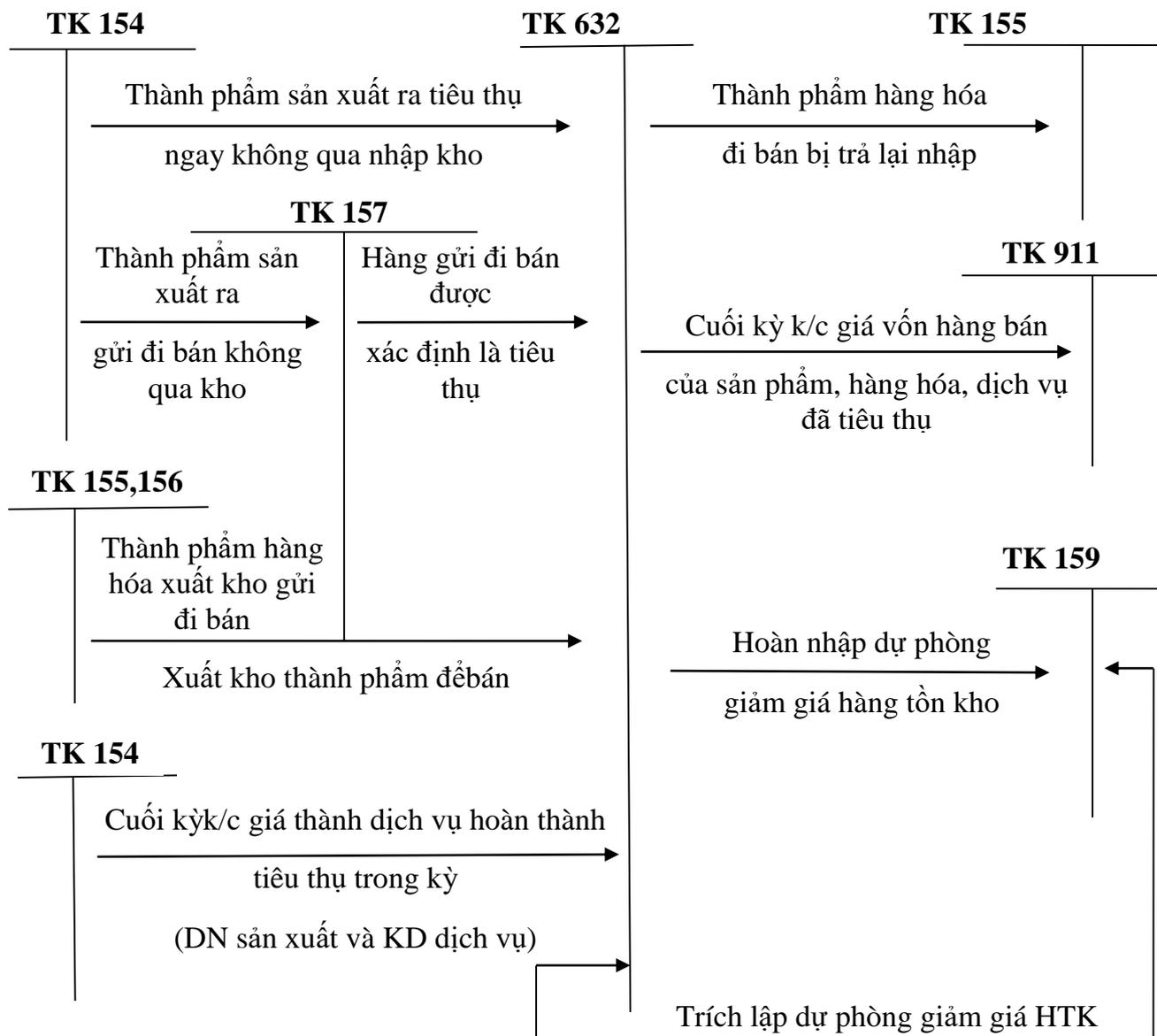
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

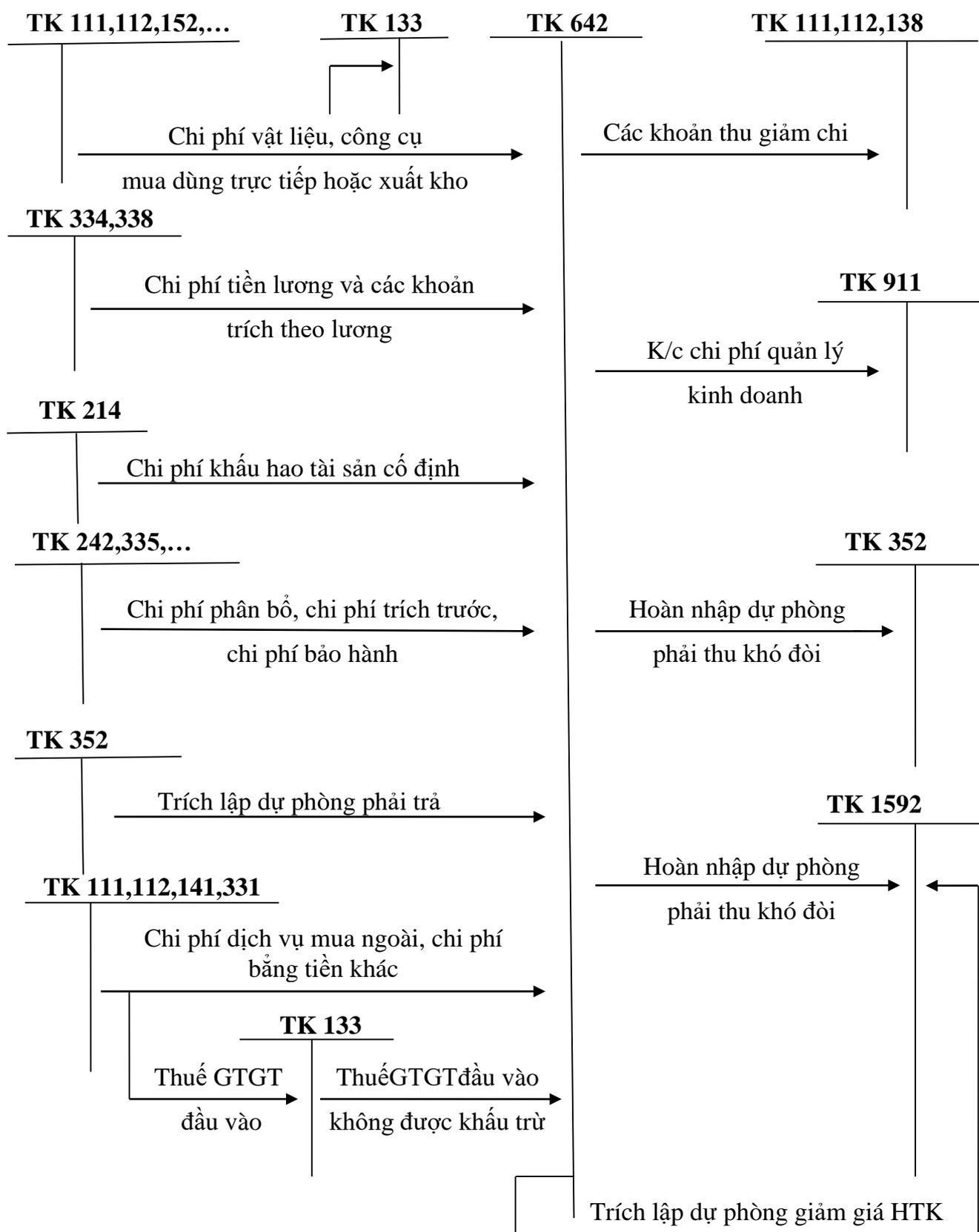
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

| Nợ | TK 511 | Có |
|--|---------------|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. | | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

| Nợ | TK 521 | Có |
|---|---------------|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ | | <ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511. |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

Kết cấu tài khoản 333

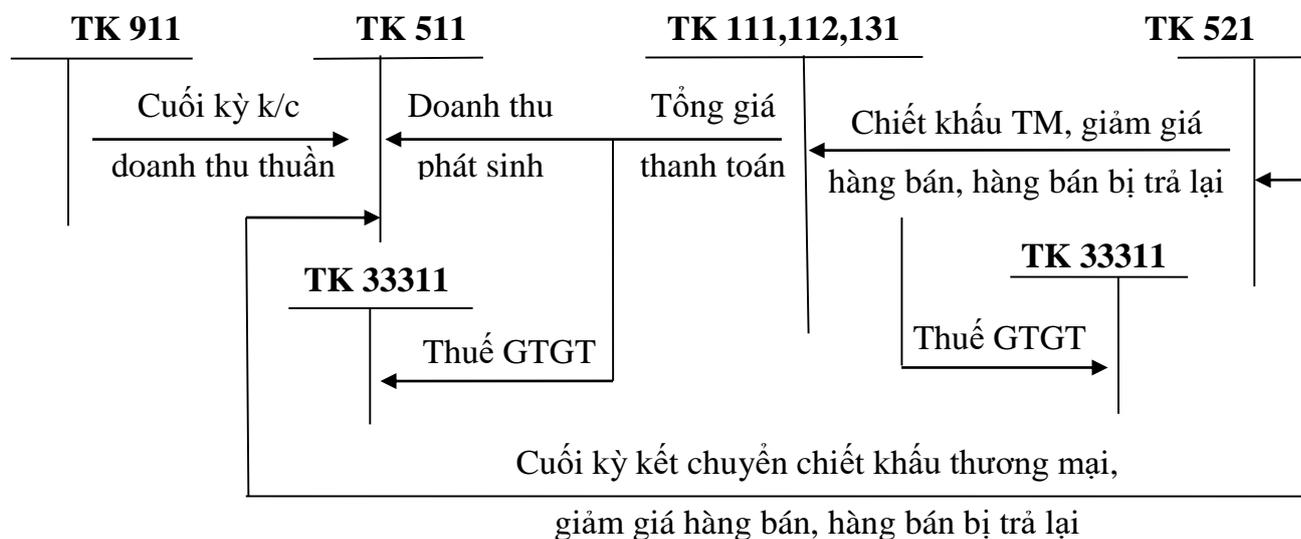
| Nợ | TK 333 | Có |
|---|--------|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. | | <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

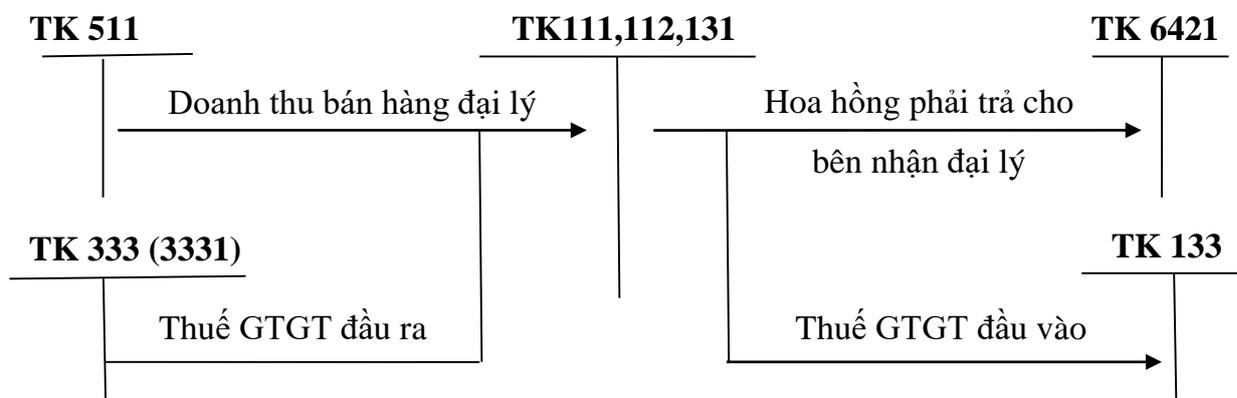
Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

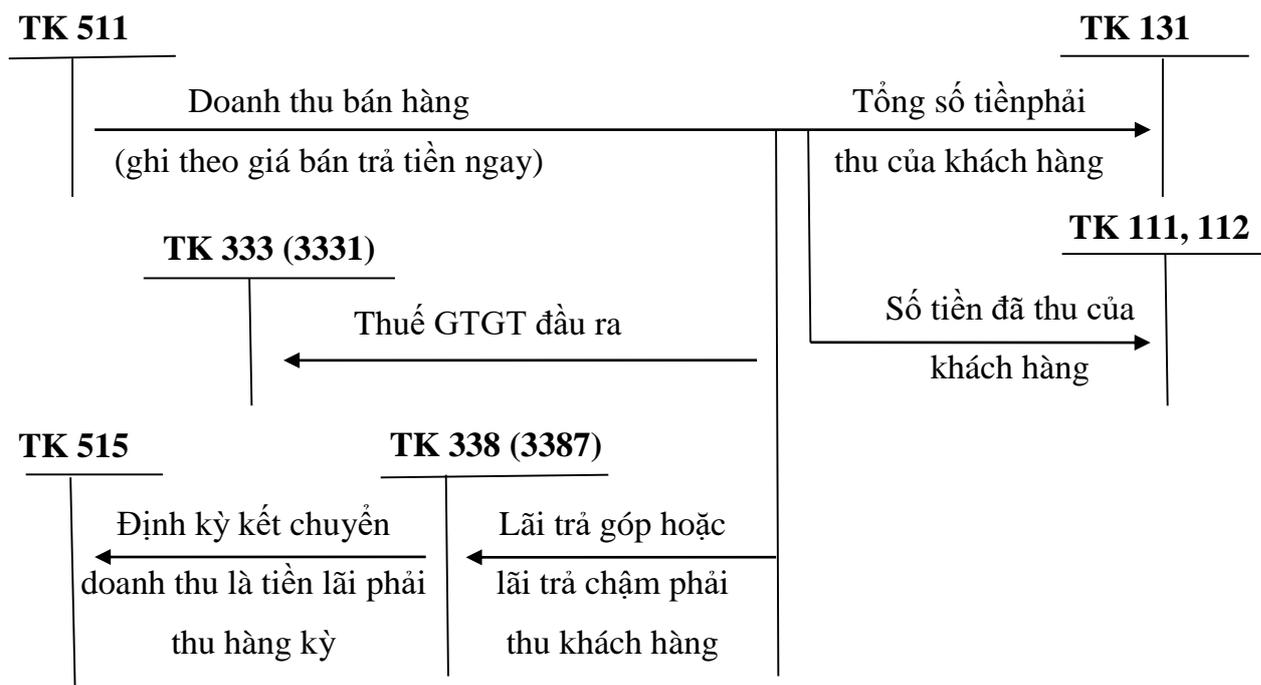
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



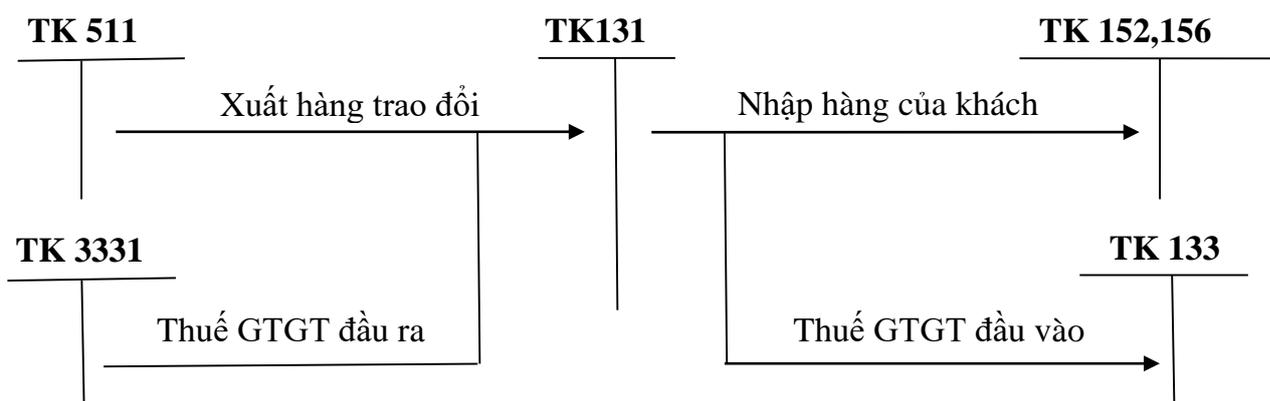
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức đổi hàng



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

| Nợ TK 515 | Có |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ |
| Tổng phát sinh nợ | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

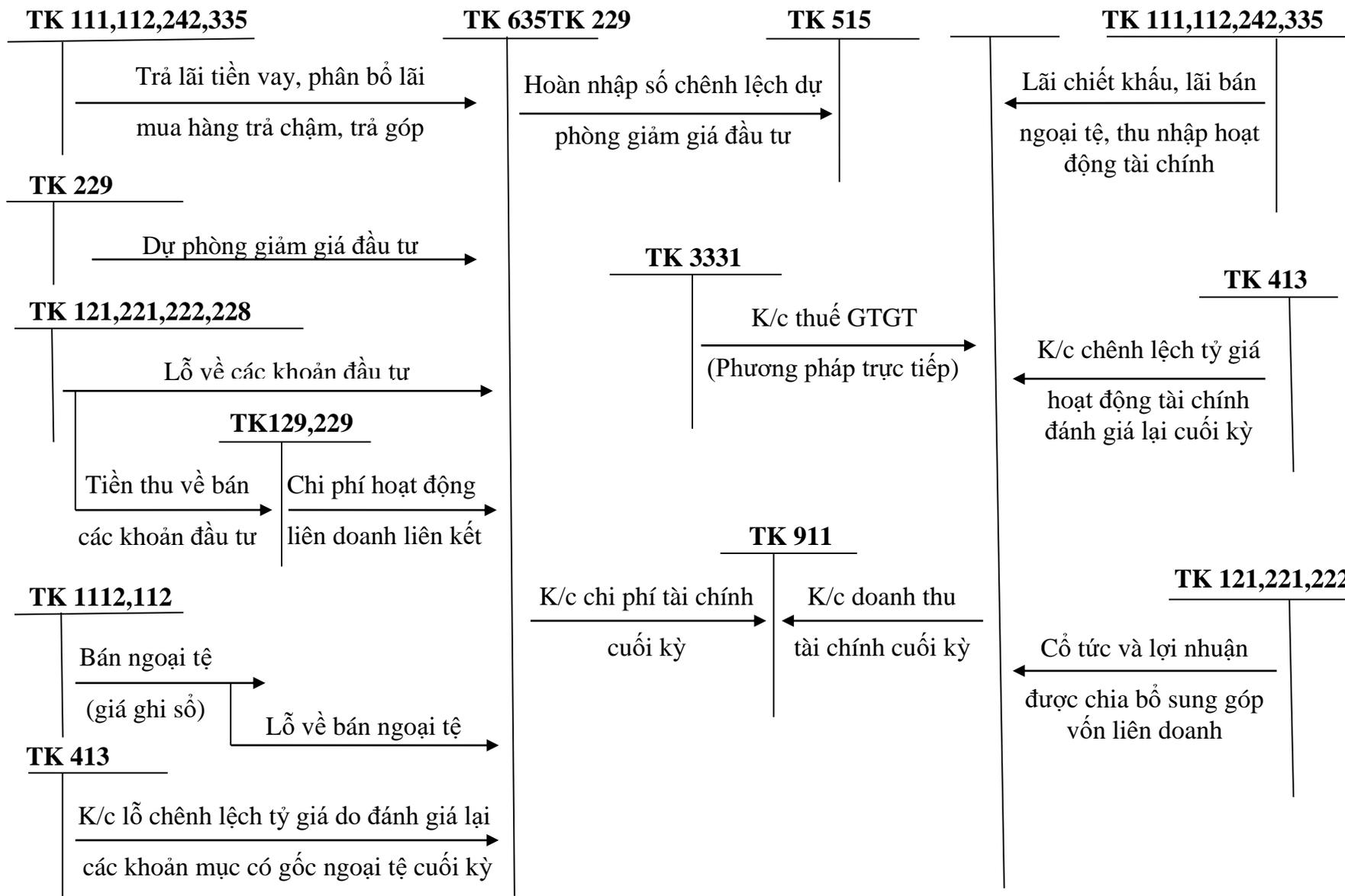
Kết cấu tài khoản 635

| Nợ TK 635 | Có |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. |
| Tổng phát sinh nợ | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

| Nợ | TK 711 | Có |
|---|--------|---|
| - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911. | | - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 - Chi phí khác

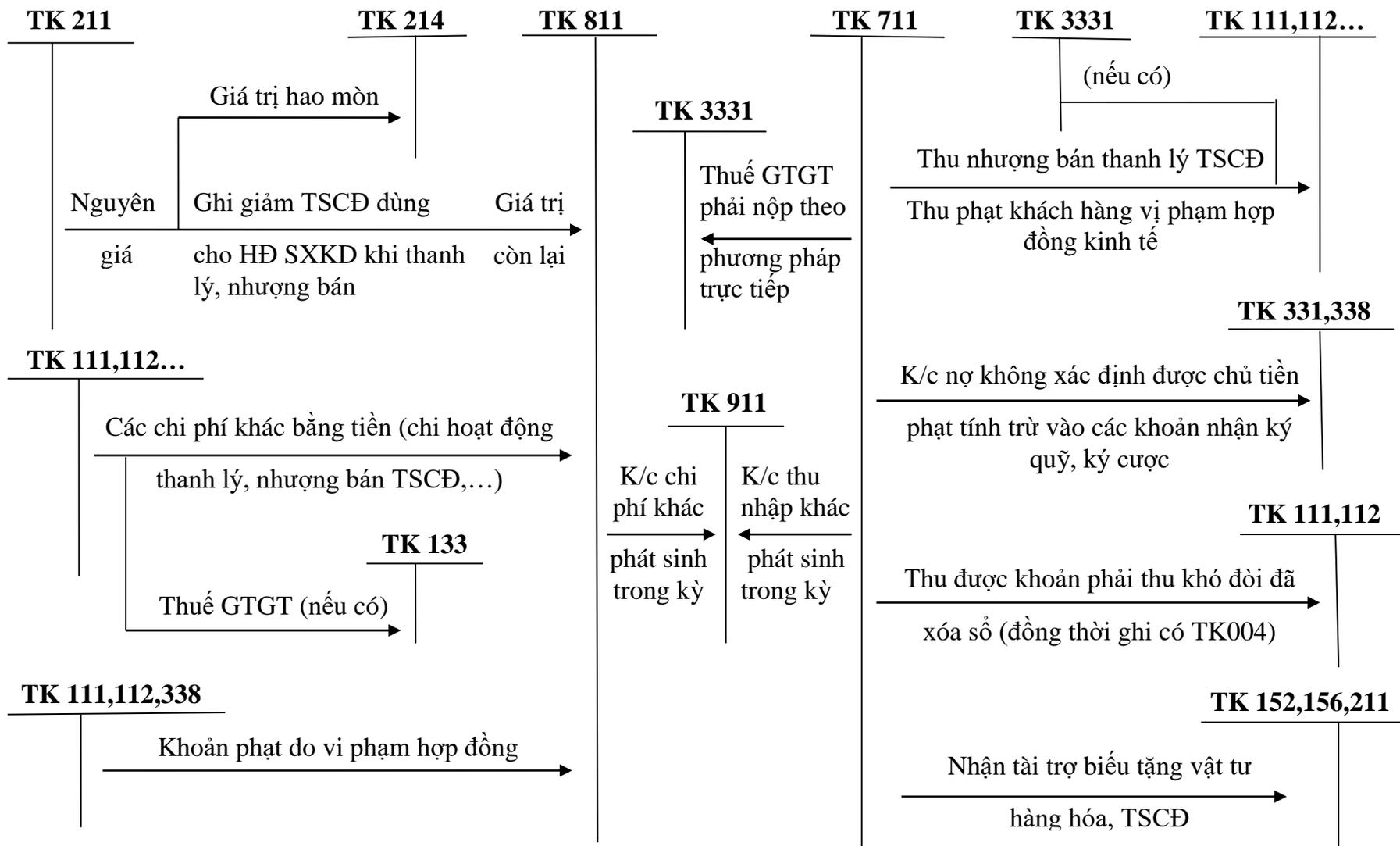
Kết cấu tài khoản 811

| Nợ | TK 811 | Có |
|-------------------------------------|--------|--|
| - Các khoản chi phí khác phát sinh. | | - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911. |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

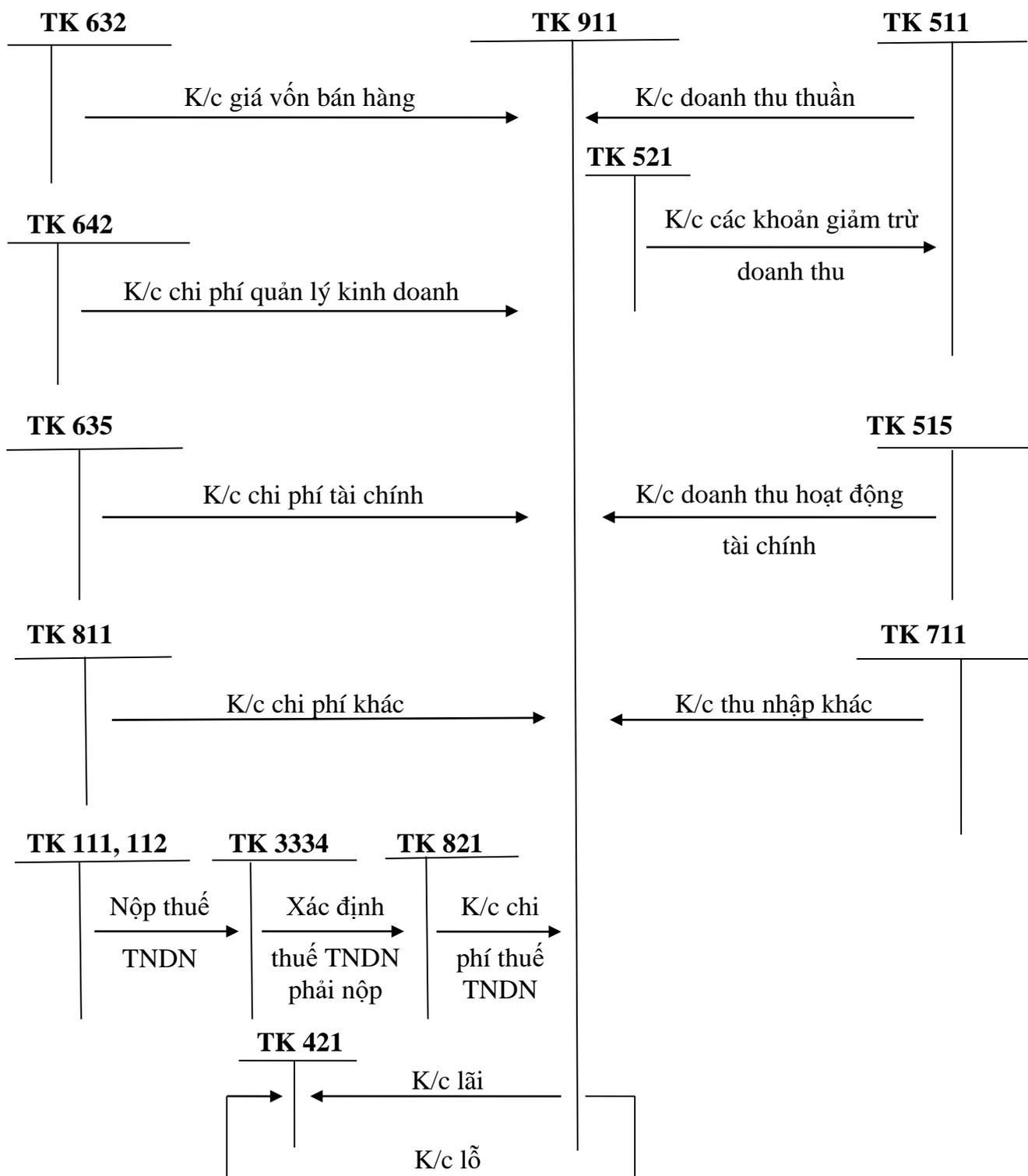
Kết cấu tài khoản 911

| Nợ | TK 911 | Có |
|---|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Kết chuyển lãi. | <ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

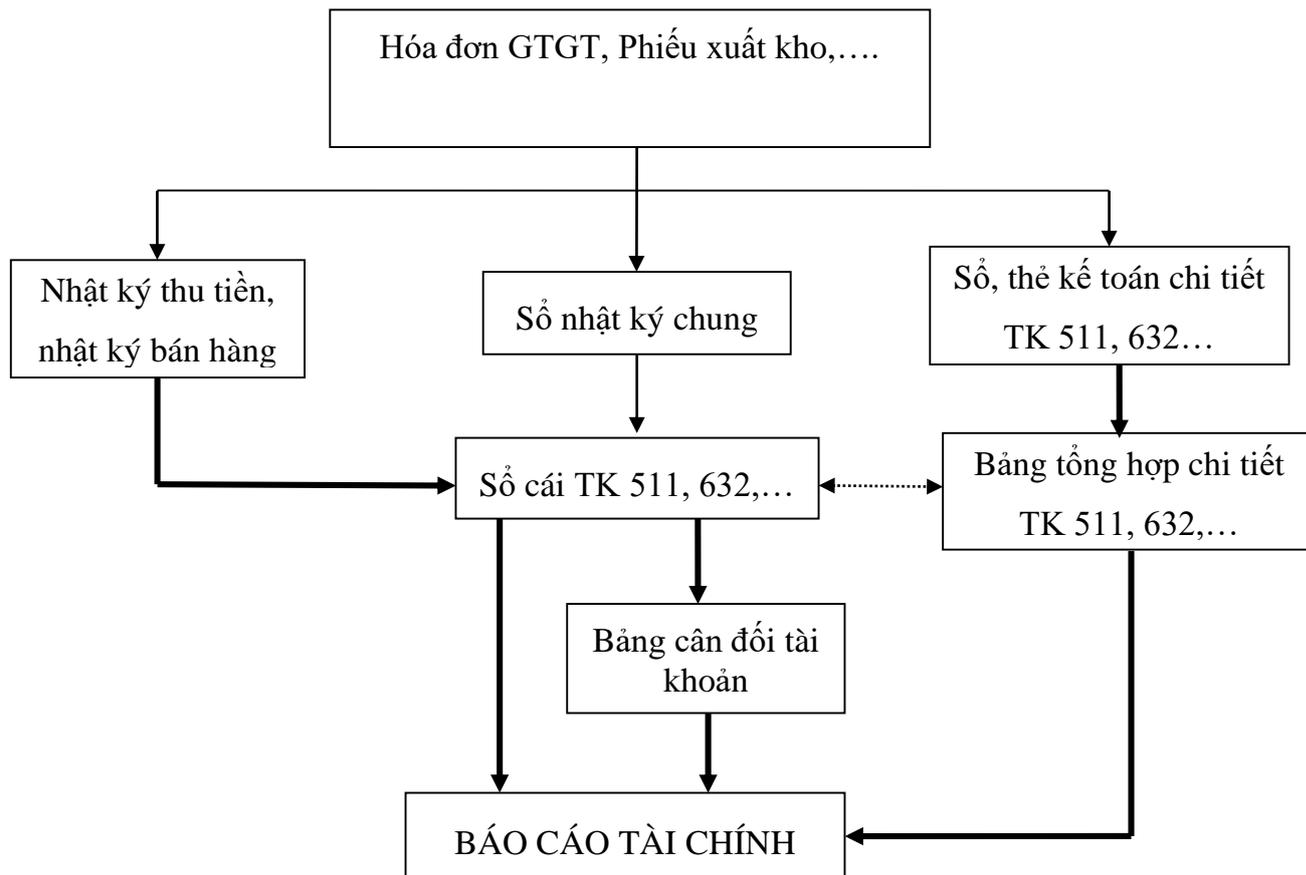
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký chung; sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Sổ, thẻ chi tiết

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→

Đối chiếu: <----->

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

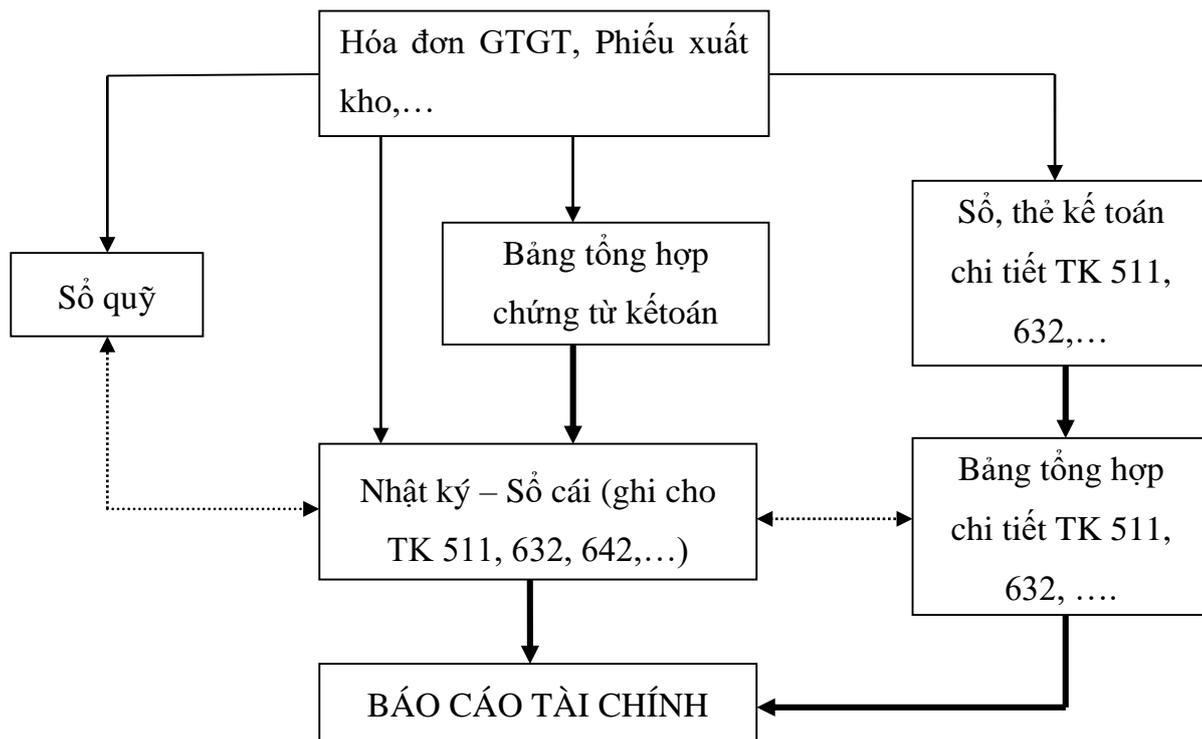
Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→

Đối chiếu: <----->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

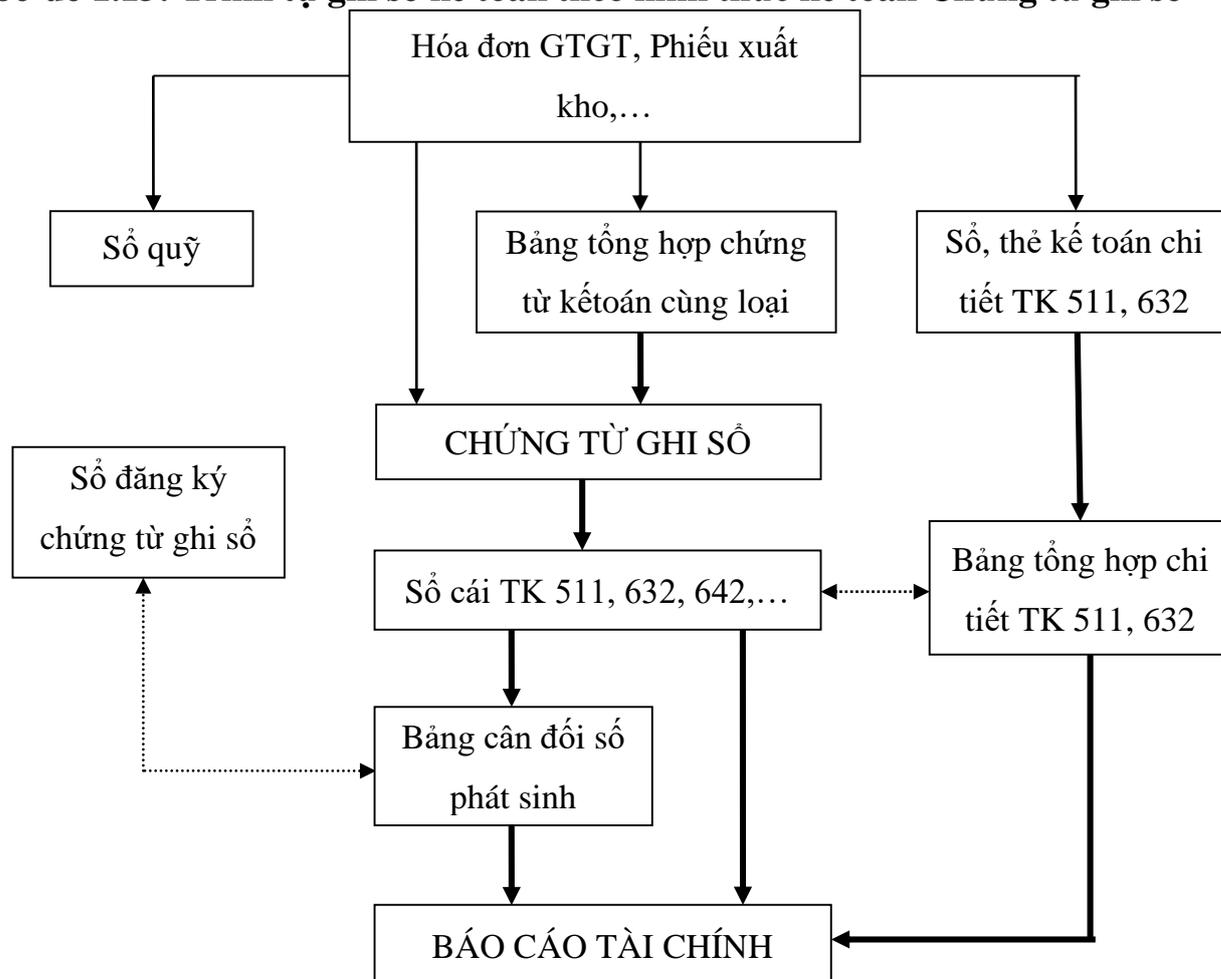
Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→

Đối chiếu: <----->

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 3 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

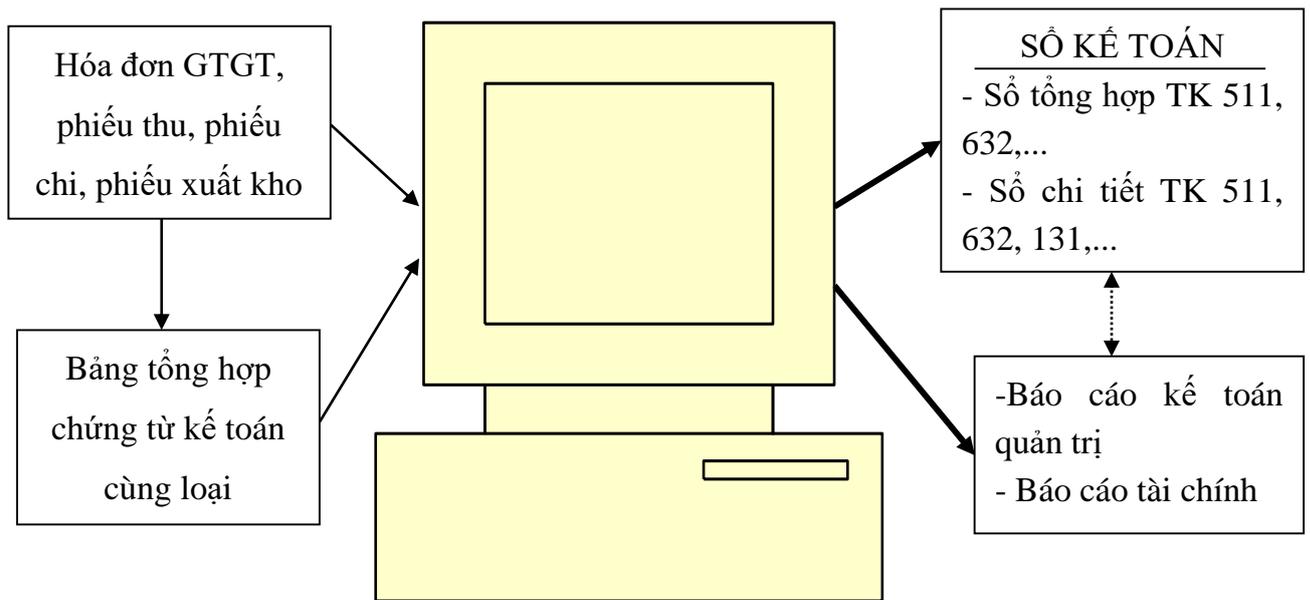
1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác

định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: →

Đối chiếu, kiểm tra: ↔

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Vân Vũ
- Địa chỉ: 193 Lê Lợi, P. Yết Kiêu, TP Hạ Long, Quảng Ninh
- Mã số thuế: 5700680624
- Quy mô doanh nghiệp: Vừa và nhỏ
- Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
- Giám đốc: Nguyễn Xuân Quang
- Xuất phát là cửa hàng đại lý Vân Vũ chuyên cung cấp sữa uống cho thị trường thành phố Hạ Long, với kinh nghiệm sau 3 năm kinh doanh cùng với số vốn ngày càng tăng năm 2007 đại lý Vân Vũ đã xin giấy phép và thành lập Công ty Cổ phần Vân Vũ.
- Từ những năm thành lập công ty cho đến nay, Công ty không ngừng mở rộng mạng lưới kinh doanh, cung cấp các loại sữa uống cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Công ty đã có những hợp đồng cung cấp sữa lớn, trong thời gian dài cho các công ty ở trong địa bàn như Công ty Hóa chất mỏ Quảng Ninh, Công ty than Núi Béo, Công ty than Thành Công,... Với lực lượng nhân sự trẻ cũng như đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động bán hàng nhằm kích thích nhu cầu của khách hàng.
- Nhận thức được mặt hàng kinh doanh của Công ty là một mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, liên quan đến sức khỏe của khách hàng nên Công ty luôn luôn đảm bảo chất lượng của các lô hàng nhập vào và bán ra. Trong tình hình hiện nay, giá sữa trong nước ngày càng tăng nhưng Công ty luôn đảm bảo bán hàng với giá hợp lý nhất nhằm đảm bảo nhu cầu của khách hàng.

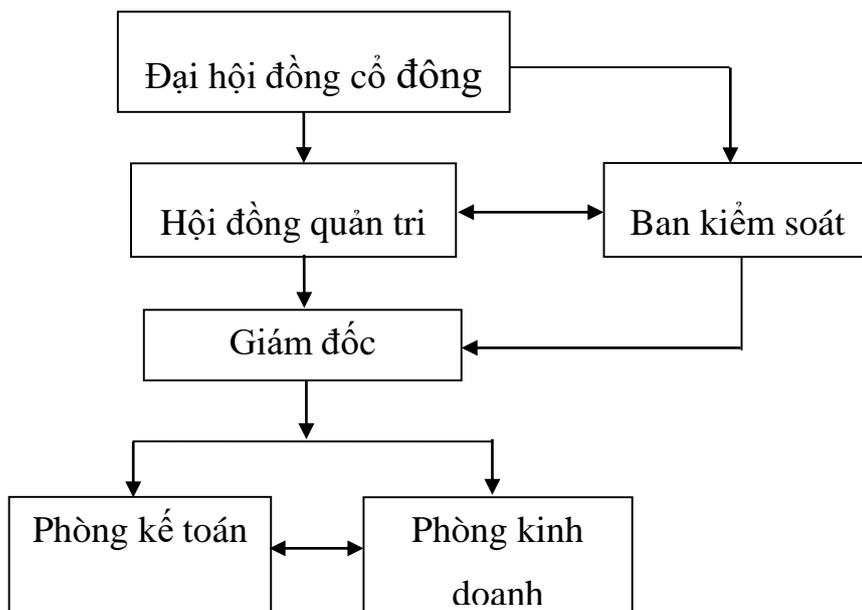
- Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 gây ra nhiều khó khăn cho Công ty nhưng với kinh nghiệm cũng như đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp Công ty đã vượt qua khó khăn, ổn định số lượng khách hàng cũng như số sản phẩm bán ra. Doanh thu hàng năm của Công ty ổn định và tăng hàng năm, đóng góp một phần vào GDP của quốc gia.
- Với tiêu chí "Sự hài lòng của khách hàng là thành công của Công ty" Công ty không ngừng mở rộng mạng lưới kinh doanh cũng như đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên của đảm bảo sự hài lòng của khách hàng. Ngoài các sản phẩm sữa trong nước Công ty đang trong giai đoạn thảo luận ký kết hợp đồng với các Công ty sữa của nước ngoài để đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó dự án này thành công sẽ là bước ngoặt mới cho Công ty, Công ty sẽ chính thức bước chân vào thị trường kinh tế thế giới với nhiều khó khăn và thử thách hơn.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Hiện nay ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là các loại đồ uống và chủ yếu là các loại sữa hiện đang phổ biến trên thị trường như: sữa mộc châu, sữa hà lan ... Công ty nhập hàng về từ cơ sở sản xuất gốc rồi xuất bán lại cho các đại lý, các cửa hàng.... Dưới hình thức bán buôn và bán lẻ. Trong những năm gần đây, nền kinh tế đang dần hồi phục, nhu cầu của người dân về các loại đồ uống khá cao, họ yêu cầu chất lượng phải đảm bảo. với tiêu chí của công ty 'sự hài lòng của khách hàng là sự thành công của công ty'... vì vậy hoạt động kinh doanh của công ty cũng khá phát triển.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần Vân Vũ



Ghi chú:

Quan hệ quản lý chỉ đạo: \longrightarrow

Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ: \longleftrightarrow

Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý của công ty được quy định cụ thể như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất.
- **Hội đồng quản trị:** quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:** có nhiệm vụ giống như cơ quan tư pháp trong mô hình tam quyền phân lập nhằm giúp các cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành công ty.
- **Giám đốc:** điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm mọi hoạt động trong doanh nghiệp.

- Phòng kế toán

- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.
- Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành, phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của công ty.
- Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự của công ty. Soạn thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu.
- Thực hiện các chế độ quy định về tiền lương cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

• Phòng kinh doanh

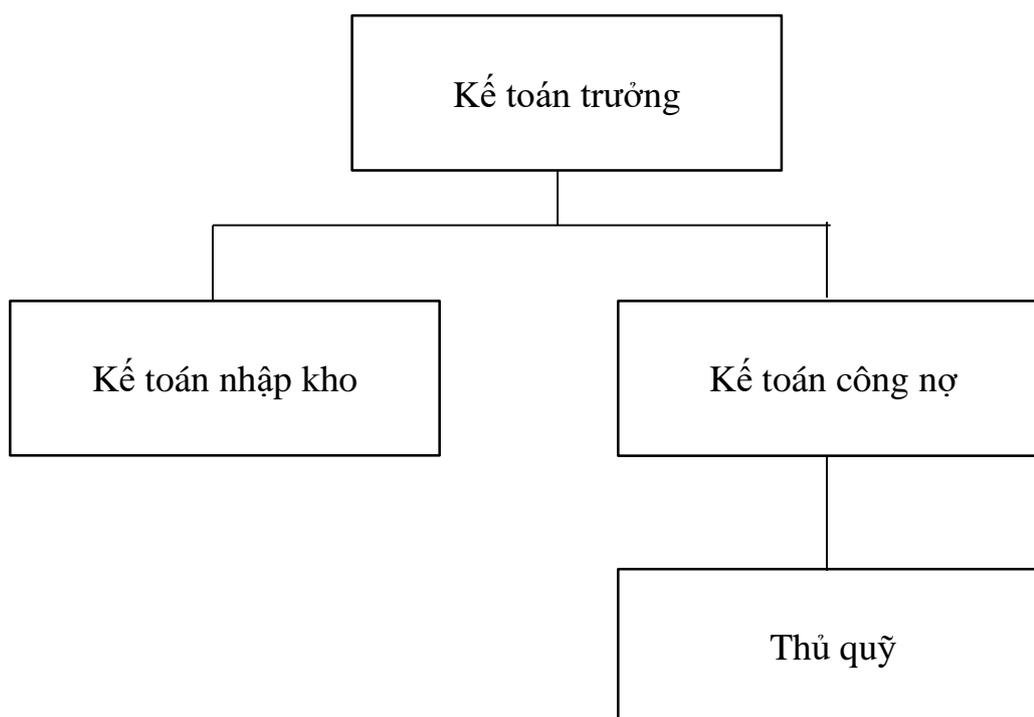
- Phụ trách việc giao dịch thương mại, soạn thảo các hợp đồng kinh doanh.
- Tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh.
- Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Việc tổ chức, thực hiện chức năng nhiệm vụ nội dung công tác kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Tại công ty Cổ phần Vân Vũ có một phòng kế toán gồm 6 người. Việc tổ chức công tác kế toán được tiến hành theo mô hình tập trung. Theo mô hình này toàn bộ công tác kế toán được thực

hiện ở phòng kế toán của công ty, từ khâu ghi chép ban đầu đến khâu tổng hợp lập báo cáo và kiểm tra kế toán, hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp. Các phòng ban khác chỉ lập các chứng từ phát sinh tại đơn vị rồi gửi về phòng kế toán. Quy mô tổ chức của bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của công ty mà vẫn đảm bảo công tác kế toán có hiệu quả. Bộ máy kế toán của công ty được bố trí như sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Vân Vũ



- ❖ Kế toán trưởng:
 - Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
 - Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.
 - Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
 - Kế toán trưởng kiêm chức trưởng phòng kế toán tài vụ và kế toán tổng hợp: xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.....
 - Xử lý các hoá đơn chứng từ và thuế
- ❖ Kế toán xuất nhập kho

- Theo dõi công nợ khối văn phòng công ty, quản lý tổng quát công nợ toàn công ty
- Xác định và đề xuất lập dự phòng hoặc xử lý công nợ phải thu khó đòi của công ty
- Tổng hợp doanh thu bán hàng của công ty, theo dõi toàn bộ hàng hóa tiêu thụ của công ty
- Sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng, soạn thảo hợp đồng, tham mưu nghiệp vụ kế toán cho kế toán tổng hợp, Giám Đốc
- Theo dõi lượng nhập, xuất, tồn của mặt hàng ở các khâu, các bộ phận trong hệ thống kế toán của công ty.
- Theo dõi cập nhật đầy đủ và kịp thời tình hình biến động của hàng tồn kho.
- Kiểm tra các thủ tục, chứng từ nhập, xuất, tồn hàng hóa của công ty
- Lập báo cáo tồn kho, báo cáo nhập xuất tồn cho mặt hàng của công ty.
- ❖ Kế toán công nợ.
- Quản lý và theo dõi công nợ phải trả của công ty: các khoản thu, chi, sổ quỹ tiền mặt.....
- Kiểm tra các chứng từ trước khi làm thủ tục thu chi
- Lập phiếu chi theo biểu mẫu để làm căn cứ cho thủ quỹ chi tiền
- Theo dõi các khoản tạm ứng nội bộ
- Lập phiếu nộp ngân sách-ngân hàng
- Tập hợp theo dõi sổ chi tiết, các khoản nợ phát sinh phải trả trong công ty
- Thực hiện kiểm tra và đối chiếu số liệu với thủ quỹ để đảm bảo luồng tiền phải chi được chặt chẽ...

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Công ty cổ phần Vân Vũ áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức ghi sổ kế toán:

- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: khấu hao theo đường thẳng phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của bộ tài chính.
- Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: ghi nhận theo đơn giá gốc.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá xuất: theo phương pháp bình quân liên hoàn.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái các tài khoản, từ Sổ Cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán: Mẫu số B01 – DNN
- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F01 – DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03 – DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN
- Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tờ khai tự quyết toán thuế TNDN,...
- Báo cáo trên sau khi lập, kiểm tra, xem xét sẽ được trình lên Giám đốc xét duyệt, sau đó được gửi tới Chi cục thuế, Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hạ Long, Cục Thống kê Quảng Ninh.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

- Công ty Cổ phần Vân Vũ đã sử dụng 2 phương thức bán hàng chủ yếu: bán buôn, bán lẻ.

+ *Bán buôn*: là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ.

+ *Bán lẻ*: là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ nhanh hơn. Khách hàng là các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua vật liệu nhằm đáp ứng trực tiếp nhu cầu của khách hàng.

- Để tạo điều kiện cho khách hàng công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt, ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả.

+ *Phương thức thanh toán trả tiền ngay*: Bằng tiền mặt được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt:

Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT. Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

- ✓ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.
- ✓ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- ✓ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

+ *Phương thức bán chịu*: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì

phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

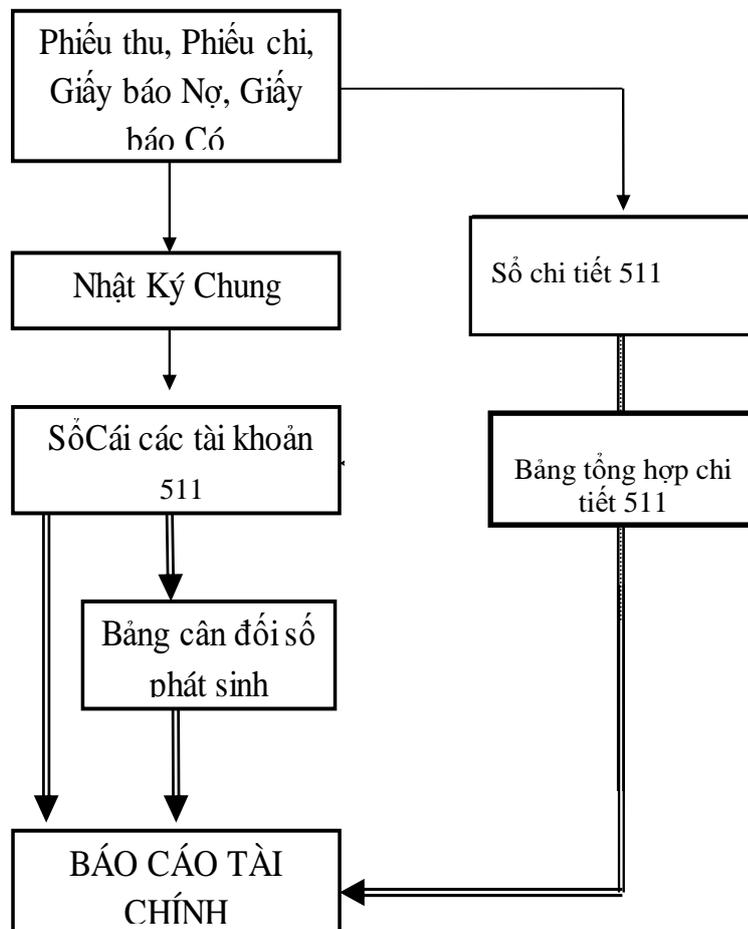
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng...

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - Các TK khác có liên quan như: TK 3331, 1111, 131...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán



2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2016 xuất kho lô sữa Mộc Châu theo HĐ 0000731 – Công ty TNHH Xuân Hòa 16.874.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Ví dụ 2: Ngày 25/12/2016 xuất kho lô nước giải khát Coca theo HĐ 0000745 – Công ty TNHH Thiên Lý 12.595.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ vào các chứng từ: hóa đơn GTGT 0000731 (**biểu số 2.1**), hóa đơn GTGT 0000745 (**biểu số 2.2**), phiếu thu số 25 (**biểu số 2.3**) kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.4**), từ nhật ký chung vào sổ cái TK 511 (**biểu số 2.5**). Đồng thời cũng từ các chứng từ trên kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 (**biểu 2.6, 2.7, 2.9**).

Cuối tháng, kế toán lấy số liệu từ sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 ghi vào sổ tổng hợp TK 511 (**biểu 2.8, 2.10**) đồng thời so sánh với số liệu của sổ cái TK 511 đã lập, sổ quỹ tiền mặt (**biểu 2.11**). Căn cứ vào các sổ cái và sổ tổng hợp đã lập trên kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000731

| <p>Công ty Cổ phần Vân Vũ 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | | | <p>Mẫu số:01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000731</p> | |
|--|-----------------------|---|----------|--|-------------------|
| <p>HOÁ ĐƠN GTGT</p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p>Ngày 15/12/2016</p> | | | | | |
| <p>Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Vân Vũ Mã số thuế: 5700680624 Địa chỉ: 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | | | | |
| <p>Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Xuân Hòa Mã số thuế: 5701034333 Địa chỉ: 35 Trần Quốc Toản, tp. Cẩm Phả, Quảng Ninh Số TK: 6904639108 Hình thức thanh toán:</p> | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Sữa Mộc Châu | Thùng | 65 | 236.000 | 15.340.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 15.340.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 1.534.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 16.874.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng. | | | | | |
| <p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | | <p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | | <p>Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | |

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000745

| <p>Công ty Cổ phần Vân Vũ 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | | | <p>Mẫu số:01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000745</p> | |
|--|-----------------------|--|----------|--|-------------------|
| <p>HOÁ ĐƠN GTGT</p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p>Ngày 25/12/2016</p> | | | | | |
| <p>Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Vân Vũ Mã số thuế: 5700680624 Địa chỉ: 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | | | | |
| <p>Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Thiên Lý Mã số thuế: 5701719197 Địa chỉ: 56 Ngô Tất Tố, p.Hồng Hải, tp.Hạ Long, Quảng Ninh Số TK: 6914793787 Hình thức thanh toán: TM</p> | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Nước giải khát Coca | Thùng | 50 | 229.000 | 11.450.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 11.450.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | | | Tiền thuế GTGT: |
| | | | | | 1.145.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 12.595.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng. | | | | | |
| <p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | | <p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | | <p>Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | |

Biểu 2.3: Phiếu thu số 35

| | | | | |
|---|-----------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| <p>Công ty Cổ phần Vân Vũ 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | <p>Mẫu số 01-TT QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC</p> | | |
| <p>PHIẾU THU số: 25</p> | | | | |
| <p>Ngày 25 tháng 12 năm 2016</p> | | | | |
| | | <p>Nợ TK 1111: 12.595.000</p> | | |
| | | <p>Có TK 5113: 11.450.000</p> | | |
| | | <p>Có TK 3331: 1.145.000</p> | | |
| <p>Họ và tên người nộp tiền: Phạm Văn Hùng</p> | | | | |
| <p>Địa chỉ: 56 Minh Khai, p. Giếng Đáy, tp. Hạ Long, Quảng Ninh</p> | | | | |
| <p>Lý do thu: Thu tiền hàng theo HĐ 0000745 – Ngày 25/12/2016</p> | | | | |
| <p>Số tiền: 12.595.000 đồng</p> | | | | |
| <p>Viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng.</p> | | | | |
| <p>Kèm theo: 1 chứng từ gốc.</p> | | | | |
| | | | | <p>Ngày 25 tháng 12 năm 2016</p> |
| <p>Giám đốc</p> | <p>Kế toán trưởng</p> | <p>Người lập phiếu</p> | <p>Thủ quỹ</p> | <p>Người nộp tiền</p> |
| <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> | <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> | <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> | <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> | <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> |

Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|-----------|------------------------|-------|---------------------------------|------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 15/12 | HĐ0000731 | 15/12 | Xuất bán lô sữa Mộc Châu | 131 | 16.874.000 | |
| | | | | 3331 | | 1.5340.000 |
| | | | | 5111 | | 15.340.000 |
| 16/12 | HĐ 0000732 PT 11/12 | 16/12 | Xuất bán Lô sữa ông thọ | 1111 | 17.864.000 | |
| | | | | 5111 | | 16.240.000 |
| | | | | 3331 | | 1.624.000 |
| | | | | | | |
| 25/12 | HĐ0000745 PT 25/12 | 25/12 | Xuất bán lô nước giải khát Coca | 1111 | 12.595.000 | |
| | | | | 5111 | | 11.450.000 |
| | | | | 3331 | | 1.145.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng | | 7.211.553.173 | 7.211.553.173 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5: Sổ cái TK 511

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Ctù | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | |
|--------------|-------------------------------|--------------|---|-------------|--------------------|--------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 15/12 | HD0000731 | 10/12 | Xuất bán lô sữa Mộc Châu | 131 | | 15.340.000 |
| 16/12 | HD 0000732 PT 11/12 | 11/12 | Doanh thu bán hàng cho Cty Hòa An | 1111 | | 16.240.000 |
| 22/12 | HD 0000733 PT 14/12 | 14/12 | Doanh thu bán hàng cho Cty Thiên Phúc | 1111 | | 4.480.000 |
| | | | | | | |
| 25/12 | HD0000745 PT 25/12 | 25/12 | Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Thiên Lý | 1111 | | 11.450.000 |
| 31/12 | PHT 20/12 | 31/12 | K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 911 | 900.421.202 | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 900.421.202 | 900.421.202 |
| | | | Dư cuối kỳ | | | |

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

Mẫu số: SN17 – DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

Tên sản phẩm (HH, DV): Sữa Mộc Châu Mã hàng hóa: F2116

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
|--------------|------------|-------|------------------------------------|------|------------|---------|-------------------|--------------------|------------|
| | SH | NT | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác (521) |
| | | | | | | | | | |
| 15/12 | HĐ00000731 | 15/12 | Bán hàng hóa cho Cty TNHH Xuân Hòa | 131 | 65 | 236.000 | 15.340.000 | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 147 | | 34.692.000 | | |
| | | | Doanh thu thuần | | | | 34.692.000 | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

Mẫu số: SN17 – DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

Tên sản phẩm (HH, DV): Nước giải khát Coca

Mã hàng hóa: F3432

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
|--------------|------------------------|-------|---------------------------------------|------|-----------|---------|-------------------|--------------------|------------|
| | SH | NT | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác (521) |
| | | | | | | | | | |
| 25/12 | HĐ00000745 PT 25/12 | 25/12 | Bán hàng hóa cho Cty TNHH Thiên Lý | 1111 | 50 | 229.000 | 11.450.000 | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 90 | | 20.610.000 | | |
| | | | Doanh thu thuần | | | | 20.610.000 | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.8: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng
Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| Stt | Mã hàng hóa | Tên hàng hóa | Doanh thu | | | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------|-----------|---------|--------------------|---------|
| | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | |
| 1 | F2116 | Sữa Mộc Châu | 147 | 236.000 | 34.692.000 | |
| 2 | F2716 | Sữa vilamilk | 160 | 235.000 | 37.600.000 | |
| 3 | F3432 | Nước giải khát Coca | 90 | 229.000 | 20.610.000 | |
| 4 | F4221 | Nước trà chanh 0 độ | 159 | 232.000 | 36.888.000 | |
| 5 | F4925 | Nước giải khát pepsi | 180 | 229.000 | 41.220.000 | |
| | | | | | | |
| | | Cộng | | | 747.873.050 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU 2.9: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số: SN13 - DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

**Đối tượng: Công ty TNHH Xuân Hòa
Năm 2016ĐVT: đồng**

| Stt | NT ghi sổ | Ctù | | Diễn giải | TKĐƯ' | SPS | | Số dư | |
|-----|-----------|---------|-------|---------------------|-------------|-------------------|----|-------------------|----|
| | | SH | Ngày | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | | Dư đầu kỳ | | | | 572.000 | |
| 01 | 07/12 | 0000727 | 07/12 | Xuất bán sữa | 5111 | 17.850.000 | | 18.442.000 | |
| | | | | Mộc Châu | 3331 | 1.785.000 | | 20.207.000 | |
| | | | | | | | | | |
| 02 | 15/12 | 0000731 | 15/12 | Xuất bán sữa | 5111 | 15.340.000 | | 35.547.000 | |
| | | | | Mộc Châu | 3331 | 1.534.000 | | 37.081.000 | |
| 03 | 19/12 | 0000736 | 19/12 | Xuất bán sữa ông | 5111 | 8.120.000 | | 45.201.000 | |
| | | | | thọ | 3331 | 812.000 | | 46.013.000 | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | Cộng SPS | | 62.755.000 | | | |
| | | | | Dư cuối kỳ | | | | 63.327.000 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua

Công ty Cổ phần Vân Vũ

Mẫu số: SN13 – DNN

193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2016

ĐVT: đồng

| Stt | Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | SPS trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|-----------|--------------------------|----------------------|------------------|--------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | | | | | |
| 20 | Cty TNHH Hòa An | 12.000.000 | - | 16.600.000 | 12.000.000 | 16.600.000 | - |
| 21 | Cty TNHH Thiên Phúc | 148.230.500 | - | 43.670.000 | 41.332.500 | 150.568.000 | - |
| 22 | Cty TNHH Xuân Hòa | 572.000 | - | 62.755.000 | - | 63.327.000 | - |
| 23 | Cty TNHH PMV | 112.020.000 | - | 26.030.000 | - | 138.050.000 | - |
| | | | | | | | |
| | Tổng | 1.607.239.733 | 3.904.733 | 861.633.522 | 999.905.468 | 1.468.967.787 | 3.904.733 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng

2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty

Kế toán tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Cứ sau mỗi lần nhập kho, kế toán lại phải tiến hành tính toán lại giá bình quân.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

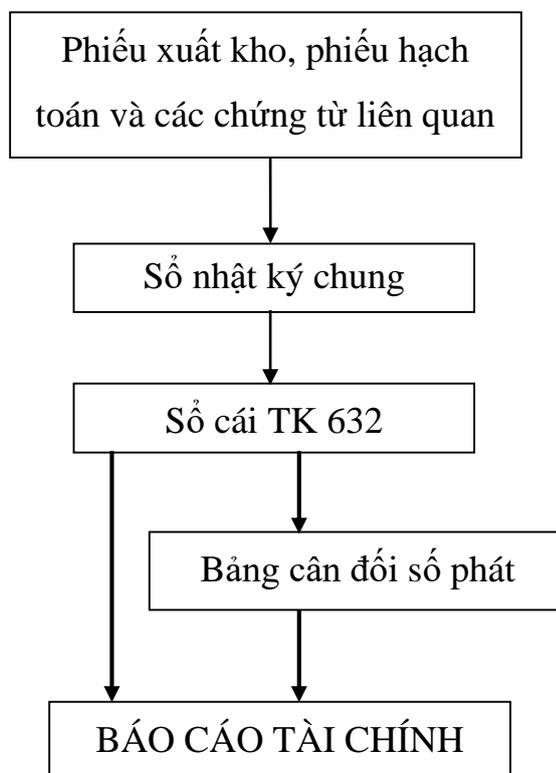
- Phiếu xuất kho,...

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- TK632: Giá vốn hàng bán
- Các TK liên quan khác như: TK 156, 154, 111,...

2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại công ty Cổ phần Vân Vũ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: →

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2016 xuất kho 65 thùng sữa Mộc Châu bán cho Công ty TNHH Xuân Hòa theo HĐ 0000731.

Ví dụ 2: Ngày 25/12/2016 xuất kho 50 thùng nước giải khát Coca bán cho Công ty TNHH Thiên Lý theo HĐ 0000745.

Kế toán tiến hành như sau:

Kế toán lập phiếu xuất kho số 29/12 và phiếu xuất kho số 32/12 (**biểu số 2.11, 2.12**). Căn cứ vào Phiếu xuất kho ghi số liệu vào Nhật ký chung (**biểu 2.13**), Sổ cái TK 632 (**biểu 2.14**).

Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:

Đơn giá xuất kho bình quân sữa Mộc Châu(F2116) ngày 15/12 được tính như sau:

- Ngày 1/12 tồn 47 thùng, đơn giá 213.000 đồng/thùng
- Ngày 3/12 nhập 80 thùng, đơn giá 215.000 đồng/thùng
- Ngày 7/12 nhập 65 thùng, đơn giá 215.000 đồng/thùng.
- Ngày 15/12 xuất 65 thùng

| | | | | |
|-------------------------|---|--|---|-------------------|
| Đơn giá xuất kho | | 47 x 213.000 + 80 x 215.000 + 65 x 215.000 | | |
| bình quân ngày | = | 47+ 80+ 65 | | |
| 15/12 | = | 214.510 | | |
| Trị giá thành phẩm thực | = | Số lượng thực tế | x | Đơn giá bình quân |
| tế xuất kho ngày 15/12 | = | xuất kho | x | xuất kho |
| | = | 65 | x | 214.510 |
| | = | 13.943.150 đ | | |

Đơn giá xuất kho bình quân nước giải khát Coca(F3432) ngày 25/12 được tính như sau:

- Ngày 1/12 tồn 35thùng, đơn giá 224.00 đồng/thùng.

- Ngày 3/12 nhập 40thùng, đơn giá 222.000 đồng/thùng.

- Ngày 25/12 xuất 50 thùng

Đơn giá xuất kho $35 \times 224.00 + 40 \times 222.000$

bình quân ngày $= \frac{\quad}{35 + 40}$
25/12

$= 222.930 \text{ (đ/th)}$

Trị giá thành phẩm thực $=$ Số lượng thực tế \times Đơn giá bình quân
tế xuất kho ngày 25/12 $=$ xuất kho \times xuất kho

$= 50 \times 222.930$

$= 11.146.500 \text{ đ}$

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 29/12

| Công ty Cổ phần Vân Vũ 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh | | | | Mẫu số 02-VT (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC) | | | |
|---|------------------------|---------------------|-----|--|---------------------|---------|-------------------|
| PHIẾU XUẤT KHO | | | | | | | |
| Ngày 15 tháng 12 năm 2016 | | | | | | Nợ: 632 | |
| Số: PX 29/12 | | | | | | Có: 156 | |
| Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh An | | | | | | | |
| Địa chỉ (bộ phận): 126 Phan Bội Châu, Uông Bí, Quảng Ninh | | | | | | | |
| Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán | | | | | | | |
| Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa | | | | Địa điểm: | | | |
| Stt | Tên, nhãn hiệu | Mã hàng | Đvt | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Sữa Mộc Châu | F2116 | Th | 65 | 65 | 214.510 | 13.943.150 |
| | Cộng | | | 65 | 65 | | 13.943.150 |
| Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng. | | | | | | | |
| Ngày 15 tháng 12 năm 2016 | | | | | | | |
| Người lập phiếu | Người nhận hàng | Thủ kho | | Kế toán trưởng | Giám đốc | | |
| <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> | | |

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 32/12

| Công ty Cổ phần Vân Vũ 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh | | | | Mẫu số 02-VT (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC) | | | |
|---|---------------------|------------------------|-----|--|-----------|-----------------------|---------------------|
| PHIẾU XUẤT KHO | | | | | | | |
| Ngày 25 tháng 12 năm 2016 | | | | | | Nợ: 632 | |
| Số: PX 32/12 | | | | | | Có: 156 | |
| Họ và tên người nhận hàng: Trần Thị Hải Yến | | | | | | | |
| Địa chỉ (bộ phận): 43 Trần Nhật Duật, Hạ Long Quảng Ninh | | | | | | | |
| Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán | | | | | | | |
| Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa | | | | Địa điểm: | | | |
| Stt | Tên, nhãn hiệu | Mã hàng | Đvt | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Nước giải khát Coca | F3432 | Th | 50 | 50 | 222.930 | 11.146.500 |
| | Cộng | | | 50 | 50 | | 11.146.500 |
| Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng. | | | | | | | |
| Ngày 25 tháng 12 năm 2016 | | | | | | | |
| Người lập phiếu | | Người nhận hàng | | Thủ kho | | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| <i>(Ký, họ tên)</i> | | <i>(Ký, họ tên)</i> | | <i>(Ký, họ tên)</i> | | <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i> |

Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung

Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|--------------|------------------------|--------------|--|------------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | ... | ... | ... |
| 15/12 | PXK 29/12 | 15/12 | Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Xuân Hòa | 632 | 13.943.150 | |
| | | | | 156 | | 13.943.150 |
| 15/12 | HĐ 0000731 | 15/12 | Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Xuân Hòa | 131 | 16.874.000 | |
| | | | | 5111 | | 15.340.000 |
| | | | | 3331 | | 1.534.000 |
| | | | | | | |
| 25/12 | PXK 32/12 | 25/12 | Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thiên Lý | 632 | 11.146.500 | |
| | | | | 156 | | 11.146.500 |
| 25/12 | HĐ 0000745 PT 25/12 | 25/12 | Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Thiên Lý | 1111 | 12.595.000 | |
| | | | | 5111 | | 11.450.000 |
| | | | | 3331 | | 1.145.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng | | 7.211.553.173 | 7.211.553.173 |

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.14: Sổ cái TK 632

Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|--------------|------------------|--------------|--|------------|--------------------|--------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 15/12 | PXK 29/12 | 15/12 | Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Xuân Hòa | 156 | 13.943.150 | |
| | | | | | | |
| 25/12 | PXK 32/12 | 25/12 | Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thiên Lý | 156 | 11.146.500 | |
| | | | | | | |
| 25/12 | PXK 38/12 | 25/12 | Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thành Công | 156 | 16.898.800 | |
| 28/12 | PXK 42/12 | 28/12 | Giá vốn hàng xuất bán cho cty CP TM Vạn Lộc | 156 | 14.629.300 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PHT 16/12 | 31/12 | K/c giá vốn hàng bán | 154 | 121.336.032 | |
| 31/12 | PHT 19/12 | 31/12 | K/c giá vốn hàng bán hàng hóa và dịch vụ | 911 | | 803.299.991 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 803.299.991 | 803.299.991 |
| | | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

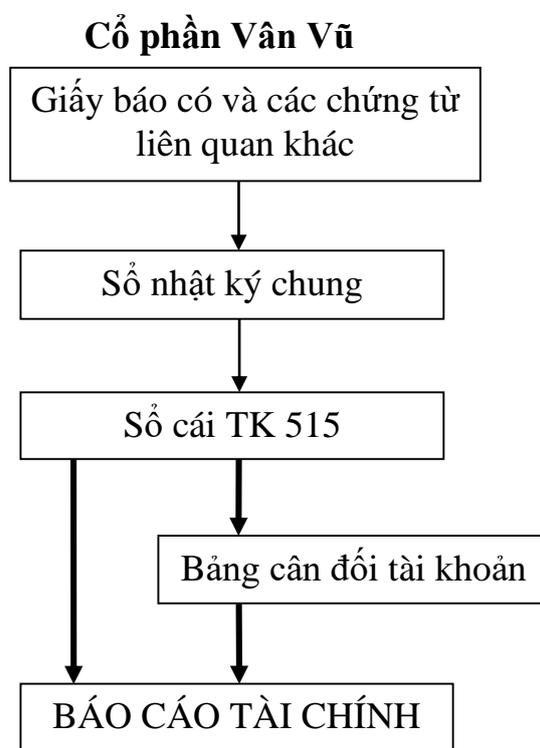
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: →

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 31/12/2016 ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2016 số tiền 146.240 đồng.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng (**biểu số 2.15**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.16**), sau đó vào Sổ cái TK 515 (**biểu số 2.18**).

Biểu 2.15: Giấy báo có



Mã GD

Mã KH: 395544

Số GD: 52938

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 30/12

Kính gửi: Công ty Cổ phần V&V

Mã số thuế: 5700680624

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 3201162579

Số tiền bằng số: 146.240

Viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)**

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|--------------|------------------------|--------------|--|----------------------|----------------------|-------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 22/12 | HD0000760 | 22/12 | Xuất bán lô sữa ông thọ cho Cty TNHH Thành Công | 131 3331 5111 | 17.490.000 | 1.590.000 15.900.000 |
| 23/12 | HD 0000761 PT 52/12 | 23/12 | Xuất bán nước giải khát Coca cho Cty TNHH Thiên Lý | 1111 5111 3331 | 4.620.000 | 4.200.000 420.000 |
| | | | | | | |
| 28/12 | PXK 42/12 | 28/12 | Giá vốn hàng xuất bán cho cty CP TM Vạn Lộc | 632 156 | 15.015.700 | 15.015.700 |
| 28/12 | HD0000769 PT 58/12 | 28/12 | Doanh thu bán hàng cho Cty CP TM Vạn Lộc | 1111 5111 3331 | 18.095.000 | 16.450.000 1.645.000 |
| | | | | | | |
| 31/12 | GBC 30/12 | 31/12 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 112 515 | 146.240 | 146.240 |
| | | | Cộng | | 7.211.553.173 | 7.211.553.173 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.17: Sổ cái TK 515

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|--------------|------------------|--------------|-------------------------------|------------|----------------|----------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu kỳ | | | |
| 31/12 | GBC 30/12 | 31/12 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 112 | | 146.240 |
| 31/12 | PHT 20/12 | 31/12 | K/C doanh thu HĐTC | 911 | 146.240 | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 146.240 | 146.240 |
| | | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Tại Công ty cổ phần Vân Vũ chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- Chi phí về lương nhân viên quản lý kinh doanh
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí về nhiên liệu phục vụ công tác quản lý kinh doanh
- Chi phí về CCDC phục vụ công tác quản lý kinh doanh
- Các khoản chi phí khác.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

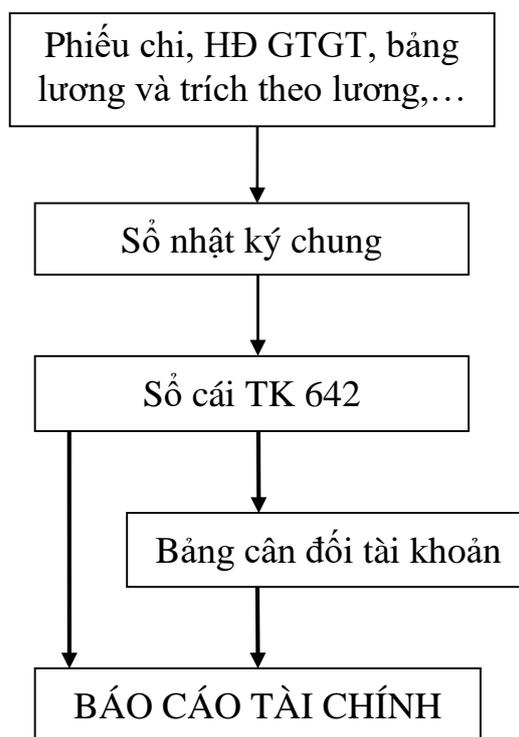
- Phiếu chi
- Bảng lương nhân viên văn phòng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- TK642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK liên quan khác như: TK 111, 334, 214,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần Vân Vũ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: —————→

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2016 cô Tâm thanh toán bằng tiền mặt tiền cước điện thoại theo HĐ 219057 số tiền 644.494 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Ví dụ 2: Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý kinh doanh tháng 12 năm 2016 số tiền 6.890.000 đồng.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ hóa đơn GTGT 0219057 (**biểu số 2.18**) kế toán lập phiếu chi (**biểu số 2.19**) và bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao T12/2014 (**biểu số 2.20**). Sau đó, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.21**), Sổ cái TK 642 (**biểu số 2.22**).

Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT số 0219057

| HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) | | | | Mẫu số: 01GTKT -2LN-03 | |
|--|---------------------------------------|-----|----------|--|----------------|
| TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) | | | | Ký hiệu: AA/16P | |
| | | | | Số: 0219057 | |
| MS: 0200340211 | | | | | |
| TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - QUẢNG NINH, CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG | | | | | |
| Địa chỉ : 539 Lê Thánh Tông, p.Bạch Đằng, tp.Hạ Long, Quảng Ninh | | | | | |
| Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Vân Vũ | | | | | |
| Địa chỉ: 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh | | | | | |
| Số thuê bao: 0333815618 | | | | Mã số: KHCP-QTCN-00344 | |
| Hình thức thanh toán: TM | | | | | |
| STT | DỊCH VỤ SỬ DỤNG | ĐVT | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ | THÀNH TIỀN |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| | Kỳ cước tháng: 12/2015 | | | | |
| | a.Cước dịch vụ viễn thông | | | | 585.904 |
| | b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế | | | | 0 |
| | c. Chiết khấu + đa dịch vụ | | | | 0 |
| | d. Khuyến mại | | | | 0 |
| | e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + Nợ cũ | | | | 0 |
| Cộng tiền dịch vụ (A)= (a+b-c-d): | | | | | 585.904 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (a-c-d) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (B): | | | | | 58.590 |
| Tổng cộng tiền thanh toán (C) = (A+ B - e): | | | | | 644.494 |
| Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng. | | | | | |
| Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên) | | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | |
| | | | | Đại diện giao dịch (Ký, ghi rõ họ tên) | |

Biểu 2.19: Phiếu chi số 26

| | | | | |
|--|----------------------------|---|----------------------------|----------------------------|
| <p>Công ty Cổ phần Vân Vũ 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | <p>Mẫu số 02-TT QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC</p> | | |
| <p>PHIẾU CHISỐ: 26</p> | | | | |
| <p>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</p> | | | | |
| | | Nợ TK 642 | : 585.904 | |
| | | Nợ TK 1331 | : 58.590 | |
| | | Có TK 1111 | : 644.494 | |
| <p>Họ và tên người nộp tiền: Bùi Thị Huyền Tâm</p> | | | | |
| <p>Địa chỉ: Văn phòng công ty</p> | | | | |
| <p>Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057</p> | | | | |
| <p>Số tiền: 644.494, đồng</p> | | | | |
| <p>Viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng.</p> | | | | |
| <p>Kèm theo: 1 chứng từ gốc.</p> | | | | |
| | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | |
| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người lập phiếu | Thủ quỹ | Người nộp tiền |
| <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> |

Biểu 2.20: Bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao

Công ty Cổ phần Vân Vũ

193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

DANH MỤC TSCĐ VÀ MỨC TRÍCH KHẤU HAO

Năm 2016 Đvt: đồng

| Stt | Tên TSCĐ | Nguyên giá | Ngày SD | Thời gian SD | Thời gian hết KH | Mức KH | Số đã trích | | | Tổng cộng | Ghi chú |
|-----------------------------------|-------------------------|--------------------|----------|--------------|------------------|------------------|------------------|-----|------------------|-------------------|---------|
| | | | | | | | Tháng 1 | ... | Tháng 12 | | |
| Chi phí quản lý kinh doanh | | | | | | | | | | | |
| 1 | Máy in | 36.000.000 | T10/2015 | 3 năm | T10/2018 | 1.000.000 | 1.000.000 | | 1.000.000 | 12.000.000 | |
| 2 | Bộ máy tính | 44.640.000 | T04/2015 | 4 năm | T04/2019 | 1.240.000 | 1.240.000 | | 1.240.000 | 14.880.000 | |
| 3 | Xe ô tô con 14M 3618 | 558.000.000 | T12/2015 | 10 năm | T12/2025 | 4.650.000 | 4.650.000 | | 4.650.000 | 55.800.000 | |
| | Tổng cộng | 638.640.000 | | | | 6.890.000 | 6.890.000 | | 6.890.000 | 82.680.000 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.21: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|-----------|------------------------|-------|--|-------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 30/12 | HĐ0129058 PC 27/12 | 30/12 | Cô Thơm thanh toán tiền điện theo HĐ 0219058 | 642 | 527.366 | |
| | | | | 1331 | 52.737 | |
| | | | | 1111 | | 580.103 |
| 31/12 | HĐ0219057 PC 26/12 | 31/12 | Cô Tâm thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057 | 642 | 585.904 | |
| | | | | 1331 | 58.590 | |
| | | | | 1111 | | 644.494 |
| 31/12 | Bảng lương T12/2016 | 31/12 | Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2015 | 642 | 38.750.000 | |
| | | | | 334 | | 38.750.000 |
| 31/12 | Bảng TSCĐ và trích KH | 31/12 | Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2015 | 642 | 6.890.000 | |
| | | | | 214 | | 6.890.000 |
| | | | | | ... | |
| 31/12 | PHT 19/12 | 31/12 | K/c chi phí quản lý kinh doanh | 911 | 53.174.905 | |
| | | | | 642 | | 53.174.905 |
| | | | Cộng | | 7.211.553.173 | 7.211.553.173 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.22: Sổ cái TK 642

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b -DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Ctù | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | |
|--------------|-------------------------------|--------------|---|-------------|-------------------|-------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | | |
| 30/12 | HD0219058 PC 27/12 | 30/12 | Cô Thơm thanh toán tiền cước điện thoại theo HD 0219058 | 1111 | 527.366 | |
| 31/12 | HD0219057 PC 26/12 | 31/12 | Cô Tâm thanh toán tiền cước điện thoại theo HD 0219057 | 1111 | 585.904 | |
| 31/12 | BL T12/2016 | 31/12 | Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2016 | 334 | 38.750.000 | |
| ... | ... | | | | | |
| 31/12 | Bảng TSCĐ và trích KH | 31/12 | Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2016 | 214 | 6.890.000 | |
| 31/12 | PHT 19/12 | 31/12 | K/cchi phí quản lý kinh doanh | 911 | | 53.174.905 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 53.174.905 | 53.174.905 |
| | | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh

Lợi nhuận thực hiện bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.

- Lợi nhuận từ hoạt động khác gồm:

+ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính gồm: hoạt động cho thuê tài sản, lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng,...

+ Lợi nhuận sau thuế được doanh nghiệp sử dụng để bổ sung các quỹ, bổ sung nguồn vốn kinh doanh,...

2.2.5.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, 821, 421,...

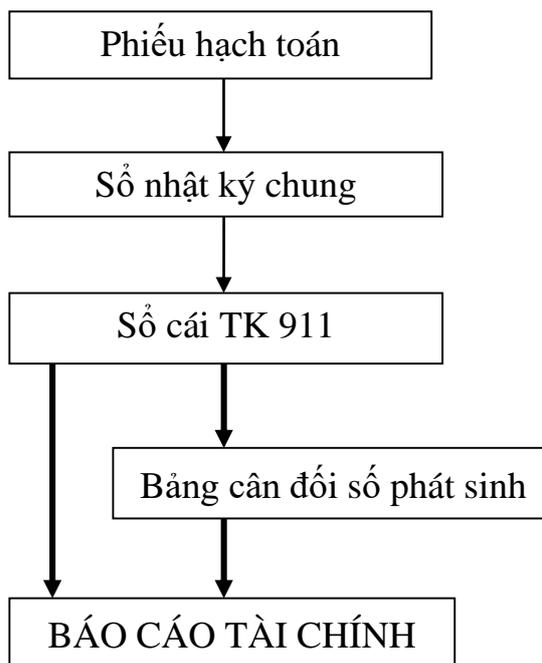
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Các TK liên quan khác như: TK 821, 632, 511, 642,...

2.2.5.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Cổ phần Vân Vũ

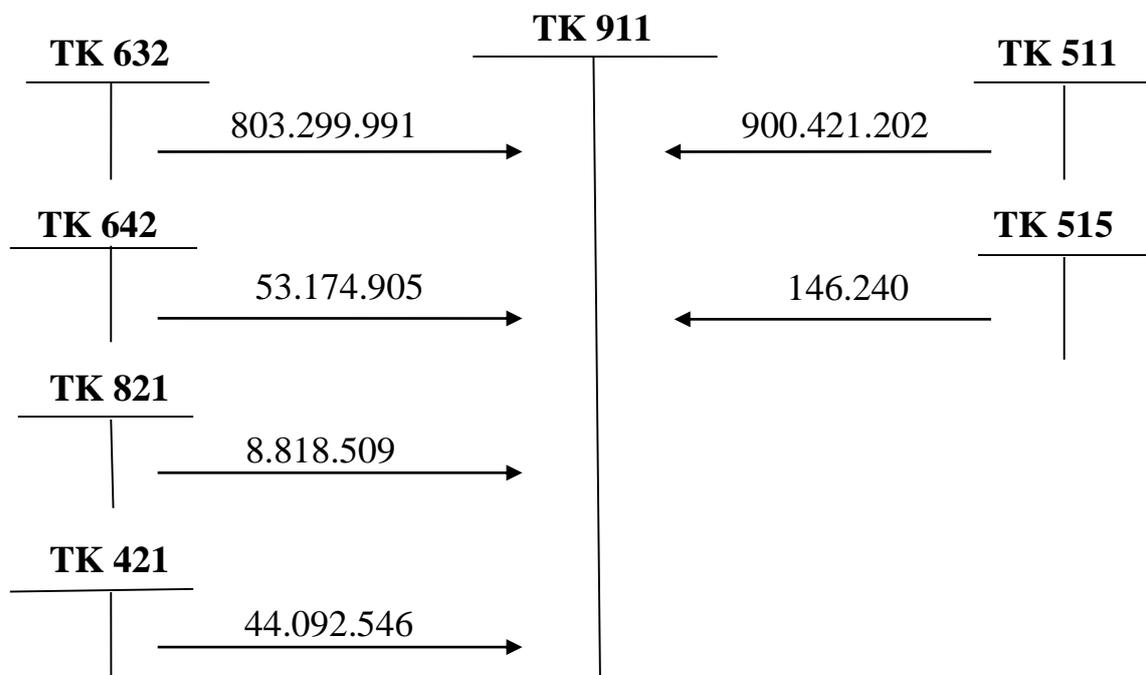


Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Vân Vũ



Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kê toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911.
 Khi đó:

$$\begin{aligned}
 \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 900.421.202 + 146.240 - 803.299.991 - 53.174.905 \\
 &= 44.092.546 \\
 \text{Thuế TNDN} &= 44.092.546 \times 20\% \\
 &= 8.818.509 \\
 \text{Lợi nhuận sau thuế} &= 44.092.546 - 8.818.509 \\
 &= 35.274.037
 \end{aligned}$$

Suy ra: Kết quả kinh doanh T12/2015 của doanh nghiệp là Lãi

Biểu 2.23: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 19/12

Đối tượng: Kết chuyển chi phí

Đvt: đồng

| Stt | Diễn giải | TKĐU' | | Số tiền | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------|-------|-----|--------------------|---------|
| | | Nợ | Có | | |
| 1 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh | 911 | 642 | 53.174.905 | |
| 2 | Kết chuyển giá vốn | 911 | 632 | 803.299.991 | |
| | Cộng | | | 856.474.896 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 20/12

Đối tượng: Kết chuyển doanh thu Đvt: đồng

| Stt | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền | Ghi chú |
|-----|---|------|-----|--------------------|---------|
| | | Nợ | Có | | |
| 1 | Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 511 | 911 | 900.421.202 | |
| 2 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 146.240 | |
| | Cộng | | | 900.567.442 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.25: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 21/12

Đối tượng: Xác định thuế TNDN phải nộp Đvt: đồng

| Stt | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--------------------|------|------|------------------|---------|
| | | Nợ | Có | | |
| 1 | Thuế TNDN phải nộp | 821 | 3334 | 8.818.509 | |
| | Cộng | | | 8.818.509 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.26: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 22/12

Đối tượng: Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Đvt: đồng

| Stt | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền | Ghi chú |
|-----|------------------------------|------|-----|------------------|---------|
| | | Nợ | Có | | |
| 1 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 8.818.509 | |
| | Cộng | | | 8.818.509 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.27: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 23/12

Đối tượng: Kết chuyển lãi

Đvt: đồng

| Stt | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền | Ghi chú |
|-----|----------------|------|-----|-------------------|---------|
| | | Nợ | Có | | |
| 1 | Kết chuyển lãi | 911 | 421 | 35.274.037 | |
| | Cộng | | | 35.274.037 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.28: Sổ nhật ký chung

Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yên Kiêu, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|-----------|-----------|-------|---|-------------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 31/12 | PHT 19/12 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh | 911 642 | 53.174.905 | 53.174.905 |
| 31/12 | PHT 19/12 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 632 | 803.299.991 | 803.299.991 |
| 31/12 | PHT 20/12 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 511 911 | 900.421.202 | 900.421.202 |
| 31/12 | PHT 20/12 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 911 | 146.240 | 146.240 |
| 31/12 | PHT 21/12 | 31/12 | Kết chuyển thuế TNDN phải nộp | 821 3334 | 8.818.509 | 8.818.509 |
| 31/12 | PHT 22/12 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 821 | 8.818.509 | 8.818.509 |
| 31/12 | PHT 23/12 | 31/12 | Kết chuyển lãi | 911 421 | 35.274.037 | 35.274.037 |
| | | | Cộng | | 7.211.553.173 | 7.211.553.173 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.29: Sổ cái TK 911

Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ' | Số phát sinh | |
|--------------|-----------|-------|--|-------|--------------------|--------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Dư đầu kỳ</u> | | | |
| 31/12 | PHT 19/12 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh | 642 | 53.174.905 | |
| 31/12 | PHT 19/12 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn | 632 | 803.299.991 | |
| 31/12 | PHT 20/12 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu bán hàng và CCDV | 511 | | 900.421.202 |
| 31/12 | PHT 20/12 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | | 146.240 |
| 31/12 | PHT 22/12 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 821 | 8.818.509 | |
| 31/12 | PHT 23/12 | 31/12 | Kết chuyển lãi | 421 | 35.274.037 | |
| | | | Cộng phát sinh | | 900.567.442 | 900.567.442 |
| | | | <u>Dư cuối kỳ</u> | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kê toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.30: Sổ cái TK 421

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-----------|-------|-----------------------|------|--------------|--------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Dư đầu kỳ</u> | | | 42.299.509 |
| 31/12 | PHT 23/12 | 31/12 | Kết chuyển lãi | 911 | | 35.274.037 |
| | | | Cộng phát sinh | | | 35.274.037 |
| | | | <u>Dư cuối kỳ</u> | | | <u>77.573.546</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN VÂN VŨ**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra được những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Vân Vũ em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm**a) Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

Là một công ty có quy mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có sáu người gồm một kế toán trưởng và năm kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn giúp cho công tác kế toán tại công ty đạt hiệu quả cao.

b) Về sổ sách kế toán sử dụng

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

c) Về chứng từ kế toán sử dụng

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng khấu hao, phân bổ,... của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán giá vốn.

Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời và đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên: liên 1 lưu tại quầy, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác, kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

d) Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép,

xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên công ty Cổ phần Vân Vũ còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty không mở các sổ nhật ký chuyên dùng như sổ nhật ký bán hàng và sổ nhật ký thu tiền; điều này gây khó khăn cho việc theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, nhất là hình thức bán hàng thu tiền sau và việc đối chiếu sổ sách kế toán, công việc dồn vào sổ Nhật ký chung.

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.
- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 632 dẫn đến khó theo dõi giá vốn cho từng mặt hàng

Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng

Hiện nay công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như: chiết khấu thương mại,... Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN

3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Tiết kiệm thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi

phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.
- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của nhà quản lý.
- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của nhà quản lý liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi - lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa...

Đối với nhà quản lý:

- Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho nhà quản lý.
- Nhà quản lý có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán tài chính.
- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

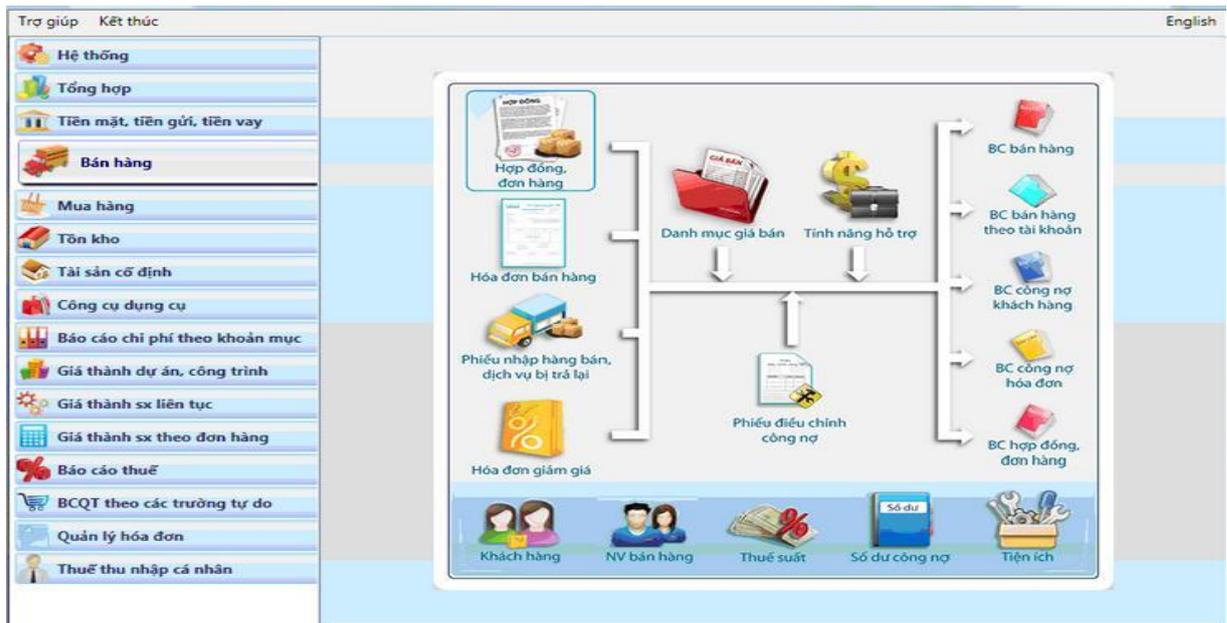
Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

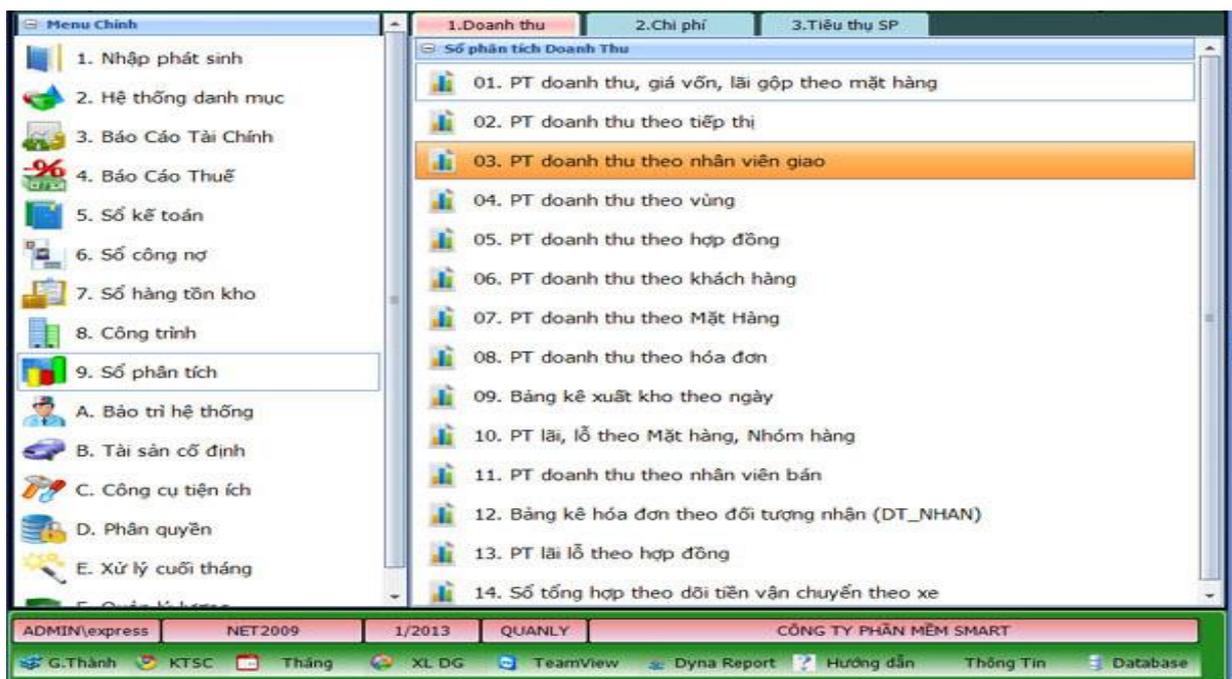
Phần mềm kế toán FAST ACCOUTING

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.



Fast Accounting có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này tạo thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh,...Hiện nay Fast có nhiều sản phẩm phù hợp với các loại hình doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán SMART



Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, XNK,...

Phần mềm kế toán MISA



MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Đối với lĩnh vực Thương mại, dịch vụ: MISA SME.NET giúp doanh nghiệp theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí, công nợ và tự động tính lợi nhuận theo từng phòng ban/ bộ phận, giúp lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận.

Đối với lĩnh vực sản xuất, xây lắp: MISA SME.NET giúp doanh nghiệp tính giá thành sản phẩm theo nhiều phương pháp, giúp tiết kiệm thời gian cho các doanh nghiệp trong việc xác định giá thành của sản phẩm.

3.2.2. Hoàn thiện hệ thống số sách kế toán tại công ty

Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định

được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán.

Ví dụ: Ngày 15/12/2016 xuất kho lô sữa Mộc Châu theo HĐ 0000731 – Công ty TNHH Xuân Hòa 16.874.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán tiến hành như sau: lập phiếu xuất kho số 32/12 (**biểu 3.1**), sau đó ghi vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán (**biểu 3.2**) và sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán (**biểu 3.3**).

Biểu 3.1: Phiếu xuất kho số 29/12

| Công ty Cổ phần Vân Vũ | | | | Mẫu số 02-VT | | | |
|---|----------------|------------------------|-------|--------------------------------------|-----------|-----------------------|-------------------|
| 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh | | | | (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC | | | |
| | | | | Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng | | | |
| | | | | BTC) | | | |
| PHIẾU XUẤT KHO | | | | | | | |
| Ngày 15 tháng 12 năm 2016 | | | | Số: 632 | | | |
| Số: PX 29/12 | | | | Có: 156 | | | |
| Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh An | | | | | | | |
| Địa chỉ (bộ phận): 126 Phan Bội Châu, Uông Bí, Quảng Ninh | | | | | | | |
| Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán | | | | | | | |
| Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa | | | | Địa điểm: | | | |
| Stt | Tên, nhãn hiệu | Mã hàng | Đvt | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Sữa Mộc Châu | F2116 | Thùng | 65 | 65 | 214.510 | 13.943.150 |
| | Cộng | | | 65 | 65 | | 13.943.150 |
| Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng. | | | | | | | |
| Người lập phiếu | | Người nhận hàng | | Thủ kho | | Kế toán trưởng | |
| (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | |
| | | | | Ngày 15 tháng 12 năm 2016 | | | |
| | | | | Giám đốc | | | |
| | | | | (Ký, họ tên) | | | |

Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Sữa Mộc Châu Mã hàng hóa: F2116

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Ctừ | | Diễn giải | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----------------|-------------|-------|---|-------------|----------------|-------------------|
| | SH | NT | | | | |
| | | | | | | |
| 3/12 | PX 20/12 | 3/12 | Xuất bán cho công ty TNHH Trúc Mai | 50 | 214.510 | 10.725.500 |
| 15/12 | PX 29/12 | 15/12 | Xuất bán cho công ty TNHH Xuân Hòa | 65 | 214.510 | 13.943.150 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | 160 | | 31.675.560 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.3: Sổ tổng hợp giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Vân Vũ

193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| Stt | Tên sản phẩm | Giá vốn hàng bán |
|------------|---------------------|-------------------------|
| 1 | Sữa Mộc Châu | 31.675.560 |
| 2 | Sữa Ông Thọ | 34.321.600 |
| 3 | Nước giải khát Coca | 12.291.000 |
| 4 | Nước tăng lực | 20.425.300 |
| 5 | Trà xanh không độ | 36.104.400 |
| | | |
| | Cộng | 681.963.959 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.3. Mở sổ nhật ký đặc biệt trong công tác kế toán bán hàng

Hệ thống sổ kế toán ở mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện thì phải bao gồm từ hệ thống sổ chi tiết tới tổng hợp.

Công ty nên mở sổ nhật ký đặc biệt: nhật ký thu tiền, nhật ký bán hàng để theo dõi việc bán hàng, thu tiền nhằm nâng cao tín hiệu quả trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng nói riêng.

Các mẫu sổ nhật ký đặc biệt ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Từ chứng từ kế toán kế toán ghi vào sổ nhật ký đặc biệt.

Sổ nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của công ty, ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau.

Biểu 3.4: Sổ nhật ký bán hàng

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số:S03a4-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Phải thu người mua (Ghi nợ) | Ghi Có TK doanh thu | | |
|--------------|------------|-------|--|--------------------------------|---------------------|------------|------|
| | SH | NT | | | 5111 | 3331 | 5113 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | |
| | | | | | | | |
| 22/12 | HĐ 0000740 | 22/12 | Doanh thu bán hàng TNHH Trúc Mai | | 15.900.000 | 1.590.000 | |
| | | | | | | | |
| 30/12 | HĐ 0000759 | 30/12 | Doanh thu bán hàng Cty CP Thiên Bảo | | 28.850.000 | 28.850.000 | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi số
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hoạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hoạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hoạch toán vào TK 5211.

❖ Về chính sách bán hàng

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như: Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp. Cụ thể:

* Với những khách hàng quen thuộc, thường xuyên nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 1% đến 1,5% trên trị giá lô hàng.

Với chính sách chiết khấu nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ (5211 - Chiết khấu thương mại)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, ...

* Với những khách hàng thanh toán tiền ngay, thanh toán sớm hơn thời hạn thỏa thuận ban đầu nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 0.5% đến 1% trên trị giá lô hàng. Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thanh toán cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112

Biểu 3.6: Hóa đơn GTGT số 0000731

| <p>Công ty Cổ phần Vân Vũ 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | | | <p>Mẫu số:01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số:0000731</p> | |
|---|-----------------------|---|-----------------|---|-------------------|
| <p>HOÁ ĐƠN GTGT Liên 3: Nội bộ Ngày 15/12/2016</p> | | | | | |
| <p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN VŨ Mã số thuế: 5700680624 Địa chỉ: 193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh</p> | | | | | |
| <p>Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Xuân Hòa Mã số thuế: 5701034333 Địa chỉ: 35 Trần Quốc Toản, tp. Cẩm Phả, Quảng Ninh Số TK: 6904639108 Hình thức thanh toán: TM</p> | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Sữa Mộc Châu | Thùng | 65 | 236.000 | 15.340.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 15.340.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.534.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 16.874.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng. | | | | | |
| <p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | | <p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | | <p>Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)</p> | |

Biểu 3.7: Phiếu hạch toán số 25/12

Công ty Cổ phần Vân Vũ

193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 25/12

Đơn vị: đồng

| Stt | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|------|-----|----------------|---------|
| | | Nợ | Có | | |
| 1 | Chiết khấu cho công ty TNHH Xuân Hòa | 511 | 521 | 767.000 | |
| | Cộng | | | 767.000 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.8: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | Số tiền | |
|-----------|----------------------------|-------|---|------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | | | | |
| 15/12 | HĐGTGT 0000731 | 15/12 | Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Xuân Hòa | 131 | 16.874.000 | |
| | | | | 5111 | | 15.340.000 |
| | | | | 3331 | | 1.534.000 |
| 15/12 | PHT 25/12 | 15/12 | Chiết khấu cho công ty TNHH Xuân Hòa | 5211 | 767.000 | |
| | | | | 3331 | 76.700 | |
| | | | | 131 | | 843.700 |
| | | | | | | |
| 31/12 | HĐGTGT 0219057 PC 26/12 | 31/12 | Cô Thơm thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057 | 642 | 585.904 | |
| | | | | 1331 | 58.590 | |
| | | | | 1111 | | 644.494 |
| 31/12 | PHT 25/12 | 31/12 | Kết chuyển chiết khấu thương mại | 5111 | 767.000 | |
| | | | | 5211 | | 767.000 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng | | 7.211.553.173 | 7.211.553.173 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.9: Sổ cái TK 521

**Công ty Cổ phần Vân Vũ
193 Lê Lợi, P Yết Kiêu, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ doanh thu

Số hiệu: 521

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Ctư | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | |
|--------------|------------------|--------------|---|------------|----------------|----------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Dư đầu kỳ | | | |
| 15/12 | PHT 25/12 | 15/12 | Chiết khấu cho công ty TNHH Xuân Hòa | 131 | 767.000 | |
| 31/12 | PHT 18/12 | 31/12 | Kết chuyển chiết khấu thương mại | 5111 | | 767.000 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 767.000 | 767.000 |
| | | | Dư cuối kỳ | | | |

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần Vân Vũ, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của tổ chức kế toán đối với việc kinh doanh của công ty. Hạch toán doanh thu và chi phí là công cụ đắc lực giúp cho ban lãnh đạo có thể nắm bắt rõ được thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của kì doanh nghiệp đồng thời cũng là căn cứ quan trọng cho việc đưa ra quyết định quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Bài khoá luận:” Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Vân Vũ” đã đề cập được những vấn đề lý luận cơ bản, tình hình thực tế và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác. Tuy nhiên, vì chưa có kinh nghiệm, chưa am hiểu kỹ càng về thực tế nên những biện pháp còn nặng về lý thuyết, tính khả thi chưa cao song cũng là những ý kiến để Công ty tham khảo.

- **Về mặt lý luận:** hệ thống hoá được những lý luận liên quan đến công tác kế toán về doanh thu và chi phí tại Công ty.
- **Về mặt thực tế:**
 - *Về tổ chức bộ máy kế toán:* bộ máy kế toán được tổ chức một cách hệ thống, có kế hoạch và sự phối hợp chặt chẽ, hoạt động liên tục đảm bảo cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.
 - *Về hệ thống chứng từ kế toán:* xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản được vận dụng theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
 - *Hình thức kế toán áp dụng:* áp dụng hình thức nhật ký chung phù hợp với quy mô, loại hình và đặc điểm sản xuất.

Tuy nhiên công ty còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Quá trình luân chuyển chứng từ qua các phòng ban diễn ra thường xuyên với số lượng lớn nhưng công ty lại ko có biên bản ghi nhận việc giao bàn chứng từ để quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị thất lạc hoặc bị mất.

- Chưa tiến hành so sánh sự biến động trong doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để thấy được mức độ hiệu quả của hoạt động trong kỳ, mức độ tăng lợi nhuận so với mức độ gia tăng doanh thu và chi phí trong kỳ để đưa ra các biện pháp nhằm quản lý tốt và tiết kiệm chi phí.

Vì thời gian thực tập tại Công ty có hạn, kiến thức bản thân còn hạn chế nhưng với sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo Công ty và giáo viên hướng dẫn em đã hoàn thành bài khoá luận này

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cổ phần Vân Vũ, các anh chị trong phòng ban kế toán và giáo viên hướng dẫn để em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải Phòng, Ngày Tháng Năm
Sinh Viên
Nguyễn Thị Kim Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Kế toán tài chính” của tác giả TS. Phan Đức Dũng- NXB Thống kê năm 2007.
2. “Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC” ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài Chính về việc ban hành Chế độ Kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. “Chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày báo cáo tài chính” theo quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3).
4. Tài liệu sổ sách, báo cáo tài chính năm 2016 và năm 2015 của công ty cổ phần cung ứng và quản lý nhân lực Á Châu.
5. Thông tin từ website www.webketoan.com, www.vatgia.com ...